THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 368/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 04 tháng 5 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-CP ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ ban hành chương trình hành động của Chính phủ để thực hiện Nghị quyết số 30/NQ-TW ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn 2045;

Căn cứ Quyết định số 492/QĐ-TTg ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Theo đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 3179/TTr-BKHĐT ngày 26 tháng 4 năm 2024 về phê duyệt Quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Báo cáo thẩm định số 11/BC-HĐTĐ ngày 23 tháng 01 năm 2024 của Hội đồng thẩm định quy hoạch vùng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung sau:

I. PHẠM VI, RANH GIỚI LẬP QUY HOẠCH

Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng bao gồm toàn bộ lãnh thổ đất liền, các đảo, quần đảo và không gian biển của 11 tỉnh, thành phố: Thành phố Hà Nội, thành phố Hải Phòng, các tỉnh Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Dương, Quảng Ninh, Thái Bình, Nam Định, Hà Nam và Ninh Bình. Phía Bắc, Đông Bắc và phía Tây, Tây Nam giáp vùng trung du và miền núi phía Bắc; phía Nam giáp vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung; phía Đông giáp Vịnh Bắc Bộ.

II. QUAN ĐIỂM, TẦM NHÌN, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm phát triển:

a) Vùng đồng bằng sông Hồng là địa bàn chiến lược đặc biệt quan trọng, là động lực phát triển hàng đầu, có vai trò dẫn dắt quá trình cơ cấu lại nền kinh tế và chuyển đổi mô hình tăng trưởng của đất nước để tạo đột phá phát triển nhanh, bền vững. Phát triển vùng phải phát huy vai trò và khai thác hiệu quả các thế mạnh về địa chính trị, địa kinh tế, điều kiện tự nhiên và các giá trị văn hoá, lịch sử; các hành lang, vành đai kinh tế, cực tăng trưởng, trung tâm kinh tế, hệ thống đô thị; phải bảo đảm phù hợp với chủ trương, đường lối phát triển của Đảng và Nhà nước, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội cả nước giai đoạn 2021 - 2030, Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam, các chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực quốc gia có liên quan; bảo đảm sự tuân thủ, tính liên tục, kế thừa và sự phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia và các quy hoạch ngành quốc gia;

b) Phát triển và cơ cấu lại kinh tế vùng phải dựa vào khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của vùng; phải phát huy hiệu quả các trung tâm nghiên cứu khoa học công nghệ, các trung tâm đổi mới sáng tạo hàng đầu quốc gia để chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng công nghiệp và dịch vụ hiện đại, nông nghiệp công nghệ cao, hữu cơ, xanh, tuần hoàn, bảo đảm vùng phát triển hiện đại, văn minh, sinh thái dẫn đầu cả nước. Phát triển hiệu quả, bền vững kinh tế biển theo hướng tăng trưởng xanh, bảo tồn đa dạng sinh học và các hệ sinh thái biển;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

c) Phát triển kinh tế hài hoà với phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá, giá trị lịch sử, nhất là văn hóa đồng bằng Bắc Bộ. Coi văn hóa và các giá trị truyền thống là nguồn lực phát triển hướng tới nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và hạnh phúc của Nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa nông thôn và thành thị. Phát triển văn hóa, y tế, giáo dục - đào tạo bảo đảm chất lượng cao, hiện đại, tương đương với các quốc gia phát triển trong khu vực;

d) Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, bảo đảm tổ chức không gian hợp lý, hiệu quả, thống nhất, liên kết nội vùng, liên vùng, khu vực và quốc tế, phát huy tối đa những lợi thế của vùng và tác động lan tỏa của các vùng động lực, cực tăng trưởng, các hành lang kinh tế và các cảng quốc tế. Tổ chức không gian phát triển vùng phải gắn kết giữa khu vực đất liền với không gian biển; quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả không gian ngầm, vùng biển, vùng trời. Chú trọng việc kết nối các hành lang kinh tế trong nước với các hành lang kinh tế của khu vực và quốc tế. Ưu tiên bố trí nguồn lực cho các công trình động lực, có tính lan toả, kết nối vùng;

đ) Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên, đặc biệt là tài nguyên đất, nước, rừng, biển; tài nguyên số, không gian số; bảo đảm an ninh năng lượng, an ninh lương thực, an ninh nguồn nước; bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và nâng cao chất lượng đa dạng sinh học, nhất là rừng ngập mặn; chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh hợp tác với các quốc gia thượng nguồn và các tổ chức quốc tế, các địa phương ngoại vùng trong việc bảo vệ và sử dụng có hiệu quả tài nguyên nước ở lưu vực sông Hồng;

e) Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh biên giới, vùng biển và hải đảo; giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội. Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế.

2. Tầm nhìn đến năm 2050

Đồng bằng sông Hồng là vùng phát triển hiện đại, văn minh, sinh thái, thu nhập cao; là trung tâm kinh tế, tài chính lớn mang tầm khu vực và thế giới; trung tâm hàng đầu của cả nước về văn hoá, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, kinh tế số, xã hội số, y tế và chăm sóc sức khoẻ Nhân dân. Các ngành công nghiệp phát triển với công nghệ hiện đại, chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn quốc tế, tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu, phát triển các ngành, sản phẩm công nghiệp mới, công nghệ cao và chủ động trong các khâu nghiên cứu, thiết kế, chế tạo. Hình thành các trung tâm dịch vụ lớn mang tầm khu vực và thế giới về thương mại, du lịch, tài chính, logistics ở Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh. Phát triển nền nông nghiệp hiện đại, hiệu quả cao. Phát triển hệ thống đô thị vùng theo hướng xanh, thông minh, bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu, có cơ sở hạ tầng đồng bộ, hiện đại, có môi trường và

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

chất lượng sống đô thị cao, có vai trò, vị thế xứng đáng trong mạng lưới đô thị châu Á - Thái Bình Dương. Thủ đô Hà Nội trở thành thành phố kết nối toàn cầu; kinh tế, văn hóa, xã hội phát triển toàn diện, đặc sắc và hài hòa, tiêu biểu cho cả nước; ngang tầm thủ đô các nước phát triển trong khu vực và thế giới.

3. Mục tiêu đến năm 2030

a) Mục tiêu tổng quát

Đồng bằng sông Hồng là vùng phát triển nhanh, bền vững, có cơ cấu kinh tế hợp lý, mang đậm bản sắc văn hoá dân tộc; có nền công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ hiện đại, thân thiện với môi trường; đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân được nâng cao, dẫn đầu cả nước; là trung tâm giáo dục, đào tạo nhân lực chất lượng cao của cả nước; đi đầu về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, kinh tế số, xã hội số; có hạ tầng đồng bộ, hiện đại, đô thị thông minh, có tính kết nối cao. Tình trạng ô nhiễm môi trường, ùn tắc giao thông và ngập úng cơ bản được giải quyết. Xây dựng Thủ đô Hà Nội "Văn hiến - Văn minh - Hiện đại", trở thành trung tâm, động lực thúc đẩy phát triển vùng và cả nước, phấn đấu ngang tầm thủ đô các nước phát triển trong khu vực. Quốc phòng, an ninh được giữ vững; quan hệ đối ngoại mở rộng, hội nhập quốc tế hiệu quả. Phấn đấu đến năm 2030 trở thành vùng có công nghiệp hiện đại, tiệm cận mức thu nhập cao.

b) Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

Phấn đấu trong kỳ quy hoạch đến năm 2030 đạt được những chỉ tiêu chủ yếu sau đây:

- Về kinh tế:

+ Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn vùng (GRDP) bình quân khoảng 9,0 - 9,5%/năm, trong đó tiểu vùng Bắc sông Hồng tăng trưởng bình quân khoảng 8,8 - 9,0%/năm, tiểu vùng Nam sông Hồng tăng trưởng bình quân khoảng 10,0 - 10,5%/năm; quy mô GRDP vùng năm 2030 tăng khoảng 3 lần so với năm 2020 (giá hiện hành); GRDP bình quân đầu người theo giá hiện hành đến năm 2030 đạt khoảng 11.000 - 12.000 USD/người;

+ Tỷ trọng trong GRDP của khu vực dịch vụ đạt khoảng 41%; công nghiệp - xây dựng khoảng 47% (trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo đạt khoảng 30% GRDP); nông, lâm, thủy sản đạt khoảng 3,5% GRDP; thuế sản phẩm trừ trợ cấp chiếm khoảng 8,5% GRDP; kinh tế số đạt khoảng 35% GRDP;

+ Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo chiếm 50% tổng số doanh nghiệp hoạt động;

+ Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội đạt trên 7,0%/năm. Đóng góp bình quân của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng giai đoạn

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

2021 - 2030 đạt 55%;

+ Tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 55%. Diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người khu vực đô thị đạt khoảng 32 - 33 m^2.

- Về xã hội:

+ Chỉ số phát triển con người (HDI) đạt khoảng 0,8;

+ Tuổi thọ bình quân đạt 75 tuổi, trong đó thời gian sống khỏe mạnh đạt tối thiểu 68 năm;

+ Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia: Mầm non đạt 76%, tiểu học đạt 95%, trung học cơ sở đạt 90%, trung học phổ thông đạt 68%;

+ Tỷ lệ giảng viên bậc đại học có trình độ tiến sĩ đạt trên 40% tổng số giảng viên đại học;

+ Tỷ lệ sinh viên/vạn dân đạt khoảng 430 sinh viên;

+ Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 48 - 52%. Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị duy trì ở mức dưới 3%;

+ Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội giảm xuống dưới 10%;

+ Số bác sĩ/vạn dân đạt 20 bác sỹ; số giường bệnh/vạn dân đạt 36 giường. Tỉ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 95% dân số;

+ Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều giảm khoảng 1 - 1,5%/năm (theo tiêu chí chuẩn nghèo của từng thời kỳ);

+ 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có ít nhất 60% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 20% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

- Về bảo vệ môi trường:

+ Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn ở thành thị đạt 100%, ở nông thôn đạt 85%;

+ Bảo đảm 100% khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường;

+ Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 95%; tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt nông thôn đạt 90%;

+ Tỷ lệ thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định là

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

trên 50% nước thải đối với các đô thị loại II trở lên và 20% đối với các đô thị còn lại;

+ Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được xử lý bằng công nghệ chôn lấp trực tiếp trên tổng lượng chất thải được thu gom nhỏ hơn 10%;

+ Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý theo quy định đạt 98%;

+ Tỷ lệ che phủ rừng đạt 20,8%;

+ Giảm 9% lượng phát thải khí nhà kính.

- Về kết cấu hạ tầng:

+ Kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, hoàn thiện các tuyến đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông đi qua địa bàn vùng, các tuyến đường bộ kết nối, các tuyến vành đai vùng Thủ đô Hà Nội, đường bộ ven biển. Mở rộng Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài, hoàn thiện hạ tầng các cảng biển Hải Phòng, Quảng Ninh. Hoàn thành đưa vào khai thác các tuyến đường sắt đô thị tại Hà Nội. Hạ tầng cấp điện, năng lượng bảo đảm cung ứng đủ nhu cầu sản xuất và tiêu dùng, hạ tầng thông tin và truyền thông hiện đại tương đương trình độ của các nước tiên tiến trên thế giới, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, phát triển kinh tế số. Hoàn thiện hạ tầng thủy lợi, cấp nước, thoát nước và phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu;

+ Xây dựng được một số cơ sở khám, chữa bệnh chuyên sâu, tầm cỡ quốc tế; xây dựng được ít nhất 01 trường đại học thuộc nhóm các trường tốt nhất châu Á và 01 - 02 trường thuộc nhóm 500 trường tốt nhất thế giới.

- Về quốc phòng, an ninh và đối ngoại:

+ Xây dựng, củng cố thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân gắn với thế trận lòng dân vững chắc, nhất là khu vực phòng thủ của vùng và các địa phương trong vùng;

+ Bảo đảm vững chắc an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, không bị động, bất ngờ. Chủ động phát hiện, đấu tranh, vô hiệu hóa mọi âm mưu, hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước của các thế lực thù địch, phản động. Giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển kinh tế - xã hội; ứng phó có hiệu quả các tình huống, các mối đe dọa an ninh truyền thống, phi truyền thống; phòng ngừa, trấn áp và xử lý hiệu quả các loại tội phạm, tệ nạn xã hội;

+ Triển khai đồng bộ, sáng tạo, hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế, chủ động tham gia các sáng kiến liên kết, kết nối với các nước trong khu vực, quốc tế; phát triển quan hệ thương mại ổn định, bền vững với thị trường Trung Quốc, phát huy vị trí cửa ngõ kết nối của ASEAN, đa dạng hóa

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

đối tác thương mại, khai thác hiệu quả các hiệp định thương mại tự do. Làm tốt công tác đối ngoại nhân dân, xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác.

4. Các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá trong kỳ quy hoạch

- Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, kết nối nội vùng, liên vùng và quốc tế. Tập trung phát triển và khai thác hiệu quả mạng lưới giao thông kết nối Thủ đô Hà Nội và các cảng biển với các địa phương của vùng và liên vùng. Phát triển hạ tầng đô thị của Hà Nội: Đường sắt đô thị, không gian ngầm, giải quyết dứt điểm tình trạng tắc nghẽn giao thông, úng ngập. Đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành dứt điểm các công trình trọng điểm quốc gia về giao thông, hạ tầng số, hạ tầng đô thị.

- Tập trung xây dựng và nâng cao hiệu quả hoạt động của các trung tâm đổi mới sáng tạo, khoa học công nghệ, hệ sinh thái khởi nghiệp, thúc đẩy hoạt động chuyển giao công nghệ. Hình thành các cụm liên kết ngành về đổi mới sáng tạo, liên kết các tổ chức khoa học công nghệ, trường đại học, viện nghiên cứu, quỹ đầu tư mạo hiểm với các khu công nghệ cao, khu công nghiệp, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả phát triển các khu kinh tế ven biển, khu công nghệ cao, khu công nghiệp, khu thương mại tự do với kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, có sức cạnh tranh quốc tế và khu vực. Tập trung thu hút đầu tư các ngành có hàm lượng công nghệ cao, thân thiện môi trường, giá trị gia tăng cao như điện tử, sản xuất phần mềm, trí tuệ nhân tạo, sản xuất ô tô, công nghiệp hỗ trợ, logistics.

- Tập trung bảo tồn, khai thác và phát huy các giá trị văn hóa của nền văn minh sông Hồng, nhất là các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh gắn liền với các triều đại trong quá trình đấu tranh dựng nước, giữ nước của dân tộc như nhà Đinh, Lý, Trần…; hình thành các trung tâm, trục di sản Quảng Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Bắc Ninh, Hà Nội, Ninh Bình; trục văn hóa sông Hồng trong tổng thể không gian văn hóa của vùng Bắc Bộ; phát triển các dịch vụ văn hóa gắn với phát triển du lịch; phát triển mạnh công nghiệp văn hóa trên cơ sở khai thác và phát huy các giá trị lịch sử, truyền thống.

- Đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa, phát triển các trung tâm hành chính tỉnh, thành phố để tăng cường liên kết và hình thành các chuỗi đô thị, trong đó, Hà Nội, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh gắn với phát triển vành đai công nghiệp, đô thị, dịch vụ; chuỗi đô thị tại Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình gắn với phát triển kinh tế biển, liên kết chặt chẽ thông qua vành đai kinh tế ven biển.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển vùng và liên kết vùng đủ mạnh, bảo đảm hiệu quả điều phối một số lĩnh vực như: Phát triển hạ tầng, các cụm

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

liên kết ngành, xử lý các vấn đề môi trường, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm và đảm bảo an ninh nguồn nước.

III. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ KHÔNG GIAN PHÁT TRIỂN CHO CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC CÓ LỢI THẾ

1. Công nghiệp

- Phát triển nền công nghiệp công nghệ cao, tập trung vào chế biến, chế tạo. Đẩy nhanh quá trình đổi mới công nghệ, xây dựng nền công nghiệp vững mạnh với năng lực sản xuất mới, tự chủ, khả năng thích ứng công nghệ cao, làm chủ công nghệ lõi, công nghệ nền. Ưu tiên công nghiệp cơ điện tử, chíp bán dẫn, chế tạo phần mềm, sản phẩm công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, sản xuất robot. Phát triển công nghiệp bán dẫn, sản xuất và thiết kế chíp, vi mạch điện tử, sản xuất linh kiện, thiết bị điện tử tập trung chủ yếu tại Hà Nội, Bắc Ninh, Hải Phòng, Hải Dương.

- Tập trung phát triển cụm liên kết ngành dọc theo vành đai 4, vành đai 5 và các hành lang kinh tế. Thúc đẩy phát triển mạnh công nghiệp chế biến sâu, chất lượng cao các sản phẩm nông nghiệp. Phát triển đồng bộ chuỗi cung ứng sản phẩm từ sản xuất nguyên liệu, phụ liệu đầu vào đến thiết kế mẫu mã, sản xuất hoàn thiện sản phẩm cuối cùng và tiếp thị sản phẩm ra quốc tế.

- Phát triển công nghiệp vật liệu cơ bản, vật liệu mới, tập trung chủ yếu tại Hải Phòng, Hải Dương và các khu kinh tế ven biển. Phát triển mạnh công nghiệp hóa dược, mỹ phẩm trở thành trung tâm công nghiệp hóa mỹ phẩm hàng đầu cả nước. Đẩy mạnh hình thành các cụm liên kết sản xuất ô tô tập trung chủ yếu tại Hải Phòng, Hải Dương, Vĩnh Phúc, Ninh Bình. Di dời và mở rộng phát triển các nhà máy thâm dụng lao động, các cơ sở công nghiệp dệt may, da giày ra khỏi vùng động lực về khu vực phía Nam sông Hồng.

2. Dịch vụ:

- Phát triển vùng trở thành trung tâm dịch vụ hiện đại theo chuẩn mực quốc tế và đa dạng loại hình dịch vụ của cả nước và khu vực Đông Nam Á, trong đó Thủ đô Hà Nội trở thành trung tâm dịch vụ tài chính - ngân hàng hiện đại, thương mại, dịch vụ, du lịch chất lượng cao mang tầm khu vực và quốc tế; thành phố Hải Phòng trở thành trung tâm logistics quốc tế hiện đại; Quảng Ninh trở thành trung tâm du lịch kết nối khu vực và quốc tế. Tăng cường tính kết nối của các trung tâm tài chính với các tuyến hành lang kinh tế.

- Phát triển hệ thống phân phối hàng hóa đủ sức tham gia vào mạng lưới phân phối toàn cầu, từng bước tăng cường xuất khẩu hàng hóa thương hiệu vùng đến các cơ sở bán lẻ ở ngoài nước. Phát triển thương mại điện tử, các loại hình thương mại dựa trên nền tảng số hóa. Phát triển các kênh, luồng lưu thông hàng hóa giữa thành thị và nông thôn; hình thành các trục thương mại lớn, hành

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

lang kinh tế Bắc - Nam (Lạng Sơn - Hà Nội - Ninh Bình); hành lang kinh tế Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; vành đai kinh tế ven biển Ninh Bình - Nam Định - Thái Bình - Hải Phòng - Quảng Ninh.

- Đẩy mạnh phát triển dịch vụ du lịch, nhất là du lịch văn hóa, lịch sử, tín ngưỡng, sinh thái, nghỉ dưỡng. Hình thành các khu du lịch đặc trưng riêng như khu vực trung tâm bao gồm Thủ đô Hà Nội và phụ cận; khu vực Duyên hải Đông Bắc gồm Hải Phòng - Quảng Ninh với hạt nhân là Vịnh Lan Hạ - Hạ Long - Bái Tử Long; khu vực Nam sông Hồng với hạt nhân là Chùa Hương, Tam Chúc, Tràng An - Bái Đính.

- Tập trung phát triển các dịch vụ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; dịch vụ giáo dục, đào tạo; dịch vụ y tế, logistics chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phát triển của vùng và cả nước. Phát triển các khu giáo dục - đào tạo tập trung, dịch vụ y tế chất lượng cao tại Thủ đô Hà Nội và vùng phụ cận.

- Phát triển toàn diện, đồng bộ, hiện đại dịch vụ văn hóa, dịch vụ xã hội; xây dựng các sản phẩm, công nghiệp văn hóa đặc trưng của nền văn minh sông Hồng; nâng cấp một số bảo tàng lớn, nhà hát, trung tâm điện ảnh tại Hà Nội và các đô thị lớn trong vùng. Bảo tồn phát huy những giá trị văn hóa truyền thống, nâng cao chất lượng hiệu quả sáng tạo giá trị văn hóa mới; từng bước thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hóa giữa thành thị và nông thôn.

3. Nông nghiệp

- Phát triển kinh tế nông nghiệp hiệu quả, bền vững, sinh thái theo hướng nông nghiệp công nghệ cao, hữu cơ, tuần hoàn và giá trị cao gắn với xây dựng nông thôn mới hiện đại, nông dân văn minh; phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với phát triển công nghiệp, dịch vụ, du lịch, tạo việc làm tại chỗ, nâng cao thu nhập cho cư dân nông thôn và thúc đẩy quá trình đô thị hóa. Tổ chức lại sản xuất, cơ cấu lại cây trồng, vật nuôi để hình thành các khu sản xuất nông nghiệp tập trung quy mô lớn, hiệu quả.

- Bảo đảm diện tích đất trồng lúa để đáp ứng an ninh lương thực của vùng, quốc gia và một phần cho xuất khẩu, bảo đảm sản lượng lúa ít nhất trên 4,8 triệu tấn/năm; ưu tiên phát triển sản xuất lúa hàng hóa chất lượng cao, đến năm 2030, tỷ lệ lúa chất lượng cao đạt 65% trở lên. Mở rộng diện tích rau, củ, quả thực phẩm vụ đông, ôn đới chất lượng cao, an toàn, nhất là trồng rau, củ, quả, hoa, nấm ăn, cây dược liệu ứng dụng công nghệ cao; tăng diện tích sản xuất rau quả chất lượng cao, an toàn, có truy xuất nguồn gốc và diện tích trồng hoa ứng dụng công nghệ cao.

- Phát triển sản xuất rau quả tập trung theo hướng ứng dụng công nghệ cao, quy mô lớn tại Hưng Yên, Hải Dương, Hà Nam và khu vực ngoại thành

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

thành phố Hà Nội; sản xuất cây dược liệu tập trung tại Hải Dương, Hưng Yên, Nam Định, Ninh Bình; sản xuất hoa ứng dụng công nghệ cao tập trung tại Quảng Ninh, Hải Dương, Hải Phòng, Hưng Yên, Thái Bình, Nam Định và ngoại thành Hà Nội.

- Phát triển chăn nuôi lợn theo hướng trang trại, gia trại, khu chăn nuôi hợp tác xã có cơ sở vật chất, trang thiết bị chăn nuôi phù hợp, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ nuôi hiện đại đáp ứng an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường. Phát triển chăn nuôi trâu, bò, nhất là bò thịt chất lượng cao và chăn nuôi bò sữa gắn với chế biến; phát triển các vùng chăn nuôi lợn hàng hóa và cho chế biến công nghiệp tập trung tại Vĩnh Phúc, Thái Bình, Nam Định, Hưng Yên, khu vực ngoại thành Hà Nội.

- Phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng sinh thái, ứng dụng công nghệ cao, chủ yếu mở rộng diện tích nuôi thủy sản, đặc sản nội đồng trong đất liền và diện tích nuôi thủy sản trên biển, vùng đảo tại các khu vực phù hợp, tập trung vào các sản phẩm cá nước ngọt có giá trị hàng hóa cao và các hải sản có giá trị xuất khẩu, chế biến. Phát triển các vùng nuôi thủy sản nước ngọt tập trung ở các tỉnh Thái Bình, Nam Định, Hải Dương, Hưng Yên, Ninh Bình. Ổn định diện tích nuôi thủy sản nước mặn, nước lợ vùng bờ ở các địa phương ven biển; mở rộng diện tích nuôi thủy sản sinh thái trên biển, vùng đảo ở Quảng Ninh, Hải Phòng.

- Củng cố, nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng dịch vụ hậu cần nghề cá ngư trường vịnh Bắc Bộ, mở rộng phát triển mạng lưới các trung tâm, cơ sở dịch vụ hậu cần nghề cá ở vùng đảo thuộc Quảng Ninh, Hải Phòng. Đẩy nhanh xây dựng phát triển trung tâm nghề cá vùng ở Hải Phòng đáp ứng yêu cầu phát triển, hiện đại hóa ngành khai thác thủy sản vùng.

IV. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN, SẮP XẾP, LỰA CHỌN VÀ PHÂN BỔ KHÔNG GIAN PHÁT TRIỂN TRÊN LÃNH THỔ VÙNG

Tổ chức các hoạt động kinh tế - xã hội của vùng thành 02 tiểu vùng (phía Bắc sông Hồng và phía Nam sông Hồng) với 01 vùng động lực quốc gia (bao gồm thành phố Hà Nội và các địa bàn cấp huyện dọc theo trục quốc lộ 5 và quốc lộ 18 qua các tỉnh Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Dương, thành phố Hải Phòng và tỉnh Quảng Ninh), 04 cực tăng trưởng (gồm Thủ đô Hà Nội, Bắc Ninh, Quảng Ninh, Hải Phòng) và 05 hành lang kinh tế (02 hành lang kết nối quốc tế; 03 hành lang kết nối vùng).

1. Định hướng phát triển các tiểu vùng

a) Tiểu vùng phía Bắc gồm 07 tỉnh và thành phố Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Bắc Ninh và Vĩnh Phúc. Phát triển tiểu vùng phía Bắc gắn chặt với phát triển vùng Thủ đô Hà Nội.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Tập trung phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến, chế tạo có giá trị gia tăng cao, đặc biệt là công nghiệp cơ điện tử, chíp bán dẫn, sản phẩm công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, sản xuất robot. Phát triển dịch vụ, thương mại, tài chính - ngân hàng, dịch vụ vận tải - logistics, du lịch tầm quốc tế; dẫn đầu cả nước về giáo dục và đào tạo, khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo, văn hóa và thể dục thể thao, y tế và chăm sóc sức khỏe Nhân dân. Bảo đảm gắn kết chặt chẽ giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường, an ninh và trật tự xã hội, củng cố vững chắc nền quốc phòng toàn dân.

b) Tiểu vùng phía Nam gồm 04 tỉnh Thái Bình, Nam Định, Hà Nam và Ninh Bình

Phát triển các khu kinh tế ven biển, khu công nghiệp tạo động lực thúc đẩy chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế; phát triển các ngành nông nghiệp công nghệ cao, hữu cơ, tuần hoàn; công nghiệp bảo quản, chế biến nông sản, công nghiệp hỗ trợ, năng lượng tái tạo, năng lượng sạch; phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, du lịch văn hoá, tâm linh gắn với bảo vệ môi trường; phát triển một số lĩnh vực dịch vụ như vận tải, kho bãi và nhất là dịch vụ du lịch kết nối với tiểu vùng Bắc Trung Bộ. Bảo vệ tốt môi trường sinh thái vùng bờ và các nguồn lợi thủy, hải sản; bảo vệ và phát triển hệ sinh thái rừng phòng hộ ven biển.

2. Định hướng phát triển vùng động lực và cực tăng trưởng

a) Vùng động lực

- Phát triển vùng động lực bao gồm thành phố Hà Nội và các địa bàn cấp huyện dọc theo trục quốc lộ 5 và quốc lộ 18 qua các tỉnh Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Dương, thành phố Hải Phòng và tỉnh Quảng Ninh; trong đó, Thủ đô Hà Nội là cực tăng trưởng.

- Tập trung phát triển một số ngành dịch vụ hiện đại, chất lượng cao như thương mại, logistics, tài chính, ngân hàng, du lịch, viễn thông, y tế chuyên sâu, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nhân lực số; hình thành trung tâm dịch vụ lớn mang tầm khu vực và thế giới. Thu hút đầu tư các ngành công nghiệp chế tạo tham gia vào chuỗi sản xuất toàn cầu, các ngành công nghiệp điện tử, tin học, trí tuệ nhân tạo, sản xuất ô tô, công nghiệp hỗ trợ. Mở rộng phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch. Hình thành, phát triển mạng lưới trung tâm đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; đi đầu trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kinh tế số, xã hội số, chính quyền số.

- Đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa gắn với phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng và nâng cao hiệu quả kinh tế đô thị, kết nối đô thị. Xây dựng Thủ đô Hà Nội là trung tâm kinh tế của khu vực phía Bắc và cả nước, có sức cạnh tranh quốc tế. Xây dựng khu vực Hải Phòng - Quảng Ninh trở thành trung tâm kinh tế biển hiện đại; là cửa ngõ của vùng gắn với cảng cửa ngõ quốc tế Lạch Huyện; phát

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

triển các ngành vận tải biển, dịch vụ cảng biển, du lịch biển đảo, kinh tế khoa học công nghệ biển và các ngành kinh tế biển mới (năng lượng tái tạo từ biển, công nghệ sinh học biển, dịch vụ và sản phẩm biển công nghệ cao…).

- Xây dựng vùng Thủ đô Hà Nội là vùng phát triển kinh tế tổng hợp, có ý nghĩa quốc tế quan trọng trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Phát huy vai trò là trung tâm động lực chính, đầu mối liên kết quản lý, kinh doanh, nghiên cứu và phát triển kinh tế - xã hội; tập trung hình thành các trung tâm thương mại, tài chính lớn của quốc gia, các khu nghiên cứu - đào tạo công nghệ cao, trung tâm văn hóa - lịch sử lớn.

- Hình thành trục phát triển gắn với trục sông Hồng - là trục trung tâm với các hoạt động kinh tế thương mại, dịch vụ, du lịch văn hóa gắn với trục không gian cảnh quan chủ đạo của Thủ đô Hà Nội, các đô thị phía Nam và phía Bắc sông Hồng.

b) Các cực tăng trưởng

- Thành phố Hà Nội giữ vai trò dẫn dắt quá trình phát triển của vùng và cả nước.

- Thành phố Hải Phòng giữ vai trò tiên phong trong phát triển công nghiệp, dịch vụ cảng biển.

- Tỉnh Quảng Ninh giữ vai trò là một trong những đầu tàu thúc đẩy sự phát triển của vùng, đặc biệt trong phát triển các ngành kinh tế dịch vụ, du lịch, công nghiệp.

- Tỉnh Bắc Ninh giữ vai trò là một trong những trung tâm công nghiệp lớn của vùng, là địa phương kết nối trên tuyến hành lang công nghiệp quốc lộ 18.

3. Định hướng phát triển các hành lang kinh tế

a) Hành lang kinh tế Bắc - Nam trên địa bàn vùng (Bắc Ninh - Hà Nội - Hà Nam - Ninh Bình)

- Hình thành trên cơ sở đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, quốc lộ 1A, đường sắt Bắc - Nam và đường sắt tốc độ cao trong tương lai; kết nối quốc tế và các vùng động lực, các đô thị, trung tâm kinh tế, tạo tác động lan tỏa thúc đẩy sự phát triển của khu vực phía Tây và dải ven biển.

- Tập trung phát triển các ngành công nghiệp và dịch vụ chất lượng cao, giá trị gia tăng lớn, các trung tâm khoa học và công nghệ, giáo dục, đào tạo, y tế chuyên sâu, hiện đại, gắn với các trung tâm đô thị cấp quốc gia trên hành lang. Mở rộng phát triển đô thị và hệ thống khu, cụm công nghiệp, trung tâm

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

dịch vụ, du lịch gắn với các đô thị trung tâm của tỉnh và vùng. Phát triển các trung tâm logistics hiện đại gắn với các cảng hàng không quốc tế, cảng biển lớn, cửa khẩu quốc tế.

b) Hành lang kinh tế Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh

- Là trục kết nối chủ đạo của vùng động lực; hành lang kết nối liên vùng, quốc tế, kết nối vùng đồng bằng sông Hồng với vùng trung du và miền núi phía Bắc với các trung tâm kinh tế, cảng biển lớn của cả nước; thúc đẩy hợp tác thương mại, đầu tư giữa các địa phương của Việt Nam và liên kết kinh tế với khu vực Tây Nam Trung Quốc.

- Tập trung đầu tư hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng và đô thị; bố trí phát triển công nghiệp, thương mại và dịch vụ, đặc biệt là logistics, du lịch theo hướng phát huy lợi thế của vùng; khai thác tiềm năng của vùng trung du và miền núi phía Bắc và các tỉnh Tây Nam Trung Quốc.

c) Hành lang kinh tế Hà Nội - Thái Nguyên - Bắc Kạn - Cao Bằng

- Là hành lang kết nối vùng đồng bằng sông Hồng với tiểu vùng Đông Bắc và Trùng Khánh, Trung Quốc.

- Tập trung phát triển dịch vụ logistic, trung chuyển hàng hóa quốc tế; các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp sạch gắn với hình thành các khu đô thị hiện đại, thông minh; xây dựng trung tâm triển lãm quốc tế, các không gian mới cho công nghiệp văn hóa.

d) Hành lang kinh tế ven biển Quảng Ninh - Hải Phòng - Thái Bình - Nam Định - Ninh Bình

- Là hành lang ven biển kết nối các khu vực phát triển kinh tế năng động như các khu kinh tế ven biển, các khu đô thị, du lịch, nông nghiệp (nuôi trồng, khai thác thủy, hải sản); tăng cường kết nối vùng với các tỉnh Bắc Trung Bộ và khu vực phía Đông Nam Trung Quốc; thúc đẩy sự phát triển của tiểu vùng Nam sông Hồng, thu hẹp khoảng cách phát triển của tiểu vùng với toàn vùng và cả nước.

- Tập trung đầu tư và hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng ven biển. Đẩy mạnh phát triển các khu kinh tế ven biển, các trung tâm du lịch, dịch vụ logistics, nông nghiệp, công nghiệp chế biến, hình thành các cụm liên ngành trong phát triển kinh tế biển, phát triển kinh tế nông nghiệp. Phát triển các đô thị, điểm dân cư ven biển theo hướng hình thành chuỗi đô thị ven biển; bảo tồn và phát triển giá trị đa dạng sinh học, phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên, bảo vệ và phát huy giá trị các nguồn lợi từ biển; phát triển các hệ thống công trình phòng, chống thiên tai, củng cố, nâng cấp, hoàn thiện hệ thống đê điều, hồ đập bảo đảm chủ động phòng, chống lũ.

đ) Từng bước hình thành hành lang kinh tế Điện Biên - Sơn La - Hòa Bình

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

- Hà Nội

- Là hành lang kết nối vùng đồng bằng sông Hồng với tiểu vùng Tây Bắc và khu vực phía Bắc Lào.

- Tập trung đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng; thúc đẩy phát triển thương mại và dịch vụ theo hướng khai thác tiềm năng, lợi thế của vùng Tây Bắc và phía Bắc Lào.

4. Định hướng các khu vực bảo tồn, hạn chế khai thác phát triển

a) Các khu vực bảo tồn

- Hệ thống rừng đặc dụng, vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên: Duy trì và thành lập các khu bảo tồn thiên nhiên, vùng ngập nước ở các tỉnh, thành phố Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Hà Nam, Ninh Bình, Vĩnh Phúc và Hà Nội.

- Hệ thống rừng phòng hộ đầu nguồn: Duy trì diện tích rừng phòng hộ hiện có, nhất là rừng tự nhiên, chú trọng phát triển rừng phòng hộ ven biển. Trồng mới và trồng bổ sung hỗn giao đối với diện tích rừng trồng thuần loại đã quá tuổi thành thục bằng những loài cây bản địa, có giá trị cao. Tăng cường đóng mốc, phân định ranh giới đất rừng đặc dụng, phòng hộ với rừng sản xuất, đất ngoài lâm nghiệp.

- Các di tích lịch sử, văn hóa: Tập trung bảo tồn, phát huy giá trị các di sản văn hóa, nhất là di tích lịch sử - văn hoá quốc gia trước những tác động, ảnh hưởng bởi các hoạt động kinh tế khác. Trong đó: Bảo tồn, phát huy giá trị các di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh gắn liền với các triều đại Đinh, Lý, Trần… trong quá trình đấu tranh dựng nước, giữ nước của dân tộc như: Hoàng thành Thăng Long, Văn Miếu Quốc Tử Giám tại Hà Nội; Cố đô Hoa Lư tại Ninh Bình; quần thể khu lăng mộ và đền thờ các vị vua Triều Lý tại Bắc Ninh; quần thể khu lăng mộ và đền thờ nhà Trần tại Côn Sơn - Kiếp Bạc (Hải Dương), Yên Tử (Quảng Ninh), Hưng Hà (Thái Bình), Thiên Trường (Nam Định) và các khu di tích quốc gia, đền, chùa; rà soát, phục dựng, trùng tu, tôn tạo, bảo tồn và phát huy các giá trị, di tích lịch sử, di sản văn hóa của các địa phương; phát triển Thủ đô xứng tầm với truyền thống ngàn năm văn hiến Thăng Long - Hà Nội, thực sự là trung tâm hội tụ, kết tinh văn hóa của cả nước.

b) Các khu vực hạn chế phát triển

- Hành lang bảo vệ nguồn nước: Chú trọng bảo vệ tài nguyên nước bao gồm toàn bộ lưu vực hệ thống sông Hồng - Thái Bình thuộc lãnh thổ Việt Nam; khoanh vùng bảo vệ cụ thể, nghiêm ngặt, hạn chế bố trí phát triển, nhất là các ngành kinh tế, cơ sở sản xuất công nghiệp gây ô nhiễm, gắn với yêu cầu hệ thống xử lý các vấn đề về môi trường nhằm bảo vệ nguồn nước đáp ứng nhu cầu sử dụng cho các mục đích kinh tế - xã hội và sinh hoạt của Nhân dân.

- Hành lang bảo vệ an toàn đê điều: Ưu tiên thực hiện cắm mốc chỉ giới

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

hành lang bảo vệ đê điều, đồng thời tăng cường đầu tư hạ tầng để nâng cấp đê bảo vệ vùng hạ du hệ thống sông Thái Bình, gồm: Sông Thái Bình, sông Kinh Thầy, sông Văn Úc, sông Gùa, sông Mía, sông Mới, sông Lạch Tray, sông Đá Bạch, sông Rạng, sông Kinh Môn và sông Cấm.

Nâng cấp đê bảo vệ Thủ đô Hà Nội và các đô thị tập trung đông dân cư; xây dựng trung tâm điều hành phòng, chống thiên tai, quản lý hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình. Nghiên cứu xây dựng công trình chỉnh trị đoạn cửa vào sông Đuống; chỉnh trị sông Hồng đoạn qua khu đô thị trung tâm của Hà Nội.

- Các khu vực đa dạng sinh học: Bảo vệ các khu vực đa dạng sinh học trong vùng đồng bằng sông Hồng, đặc biệt là trung tâm cứu hộ động vật, ngân hàng gen, vườn thực vật, vườn cây thuốc; hành lang đa dạng sinh học ven biển Bắc Bộ (Thái Bình, Hải Phòng, Quảng Ninh).

- Các khu vực có nguy cơ ảnh hưởng thiên tai: Khu vực hạn chế bố trí phát triển bao gồm các vùng trũng, vùng ven biển là các khu vực có nguy cơ cao bị ảnh hưởng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu trong thời gian tới.

- Các khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia: Các khu vực dự trữ than á bitum tại các tỉnh Hưng Yên, Thái Bình, Nam Định và thành phố Hà Nội; than antraxit tại khu vực Uông Bí, Quảng Yên, thành phố Hạ Long (tỉnh Quảng Ninh).

- Các khu vực bảo đảm quốc phòng, an ninh: Hạn chế bố trí phát triển các hoạt động kinh tế trong hoặc gần các khu vực quốc phòng, an ninh, nhất là các khu vực phòng thủ, khu vực bố trí sử dụng đất bảo đảm công tác quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

V. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG ĐÔ THỊ, NÔNG THÔN VÀ CÁC KHU CHỨC NĂNG

1. Phương hướng phát triển hệ thống đô thị

- Đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa, phát triển các trung tâm hành chính tỉnh, thành phố để tăng cường liên kết và hình thành các chuỗi đô thị, trong đó, Hà Nội, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh gắn với phát triển vành đai công nghiệp, đô thị, dịch vụ; chuỗi đô thị tại Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình gắn với phát triển kinh tế biển, liên kết chặt chẽ thông qua vành đai kinh tế ven biển.

- Phát triển hệ thống đô thị trong vùng theo mạng lưới, phân bố hợp lý, hướng tới không gian xanh, thông minh, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu; lấy định hướng phát triển giao thông công cộng (theo mô hình TOD) làm cơ sở quy hoạch đô thị. Định hướng quy hoạch di dời ra khỏi nội đô các cơ sở sản xuất, một số đơn vị sự nghiệp, các cơ sở nghiên cứu lớn… để giảm tải áp lực hạ tầng. Chú trọng phát triển các đô thị hai bên bờ sông Hồng và các sông lớn trong vùng, đáp ứng yêu cầu thoát lũ, phòng, chống thiên tai, khai thác, sử

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

dụng hiệu quả không gian, quỹ đất.

- Phát triển hệ thống đô thị loại I, II, III theo mô hình đô thị xanh, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu, phù hợp với Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

a) Phát triển đô thị Thủ đô Hà Nội và phụ cận

- Xây dựng hệ thống đô thị gồm thành phố Hà Nội và các đô thị lân cận của các tỉnh xung quanh thuộc vùng đồng bằng sông Hồng nhằm chia sẻ chức năng về giáo dục, đào tạo, y tế, khoa học, công nghệ, thương mại, dịch vụ, du lịch và hạn chế sự tập trung quá mức vào đô thị trung tâm Hà Nội.

- Tập trung phát triển kết cấu hạ tầng đô thị và hạ tầng kết nối đồng bộ, hiện đại, bao gồm các trục từ Hà Nội kết nối với các đô thị lớn của vùng, các đường vành đai 4, vành đai 5 vùng Thủ đô Hà Nội và các tuyến đường sắt đô thị, đường sắt vành đai phía Đông thành phố Hà Nội, thúc đẩy liên kết và lan tỏa phát triển kinh tế - xã hội cho cả khu vực phía Bắc. Hình thành các vành đai công nghiệp, đô thị, dịch vụ dọc theo các đường vành đai 4, vành đai 5 vùng Thủ đô Hà Nội.

- Xây dựng các thành phố trực thuộc thành phố Hà Nội và các đô thị vệ tinh có hạ tầng đồng bộ, tiện ích và dịch vụ đô thị, giao thông kết nối thuận tiện với trung tâm, giảm tải khu vực nội đô và mở rộng không gian phát triển của thành phố Hà Nội.

b) Phương hướng phát triển đô thị theo hành lang kinh tế - đô thị ven biển

- Phát triển đô thị theo hành lang kinh tế - đô thị ven biển với các chuỗi và chùm đô thị, tùy thuộc vào đặc điểm của điều kiện tự nhiên, các mối quan hệ, nguồn lực và thực trạng phát triển. Tiếp tục thúc đẩy phát triển các chuỗi và chùm đô thị tại Quảng Ninh (Móng Cái, Hải Hà, Vân Đồn, Hạ Long), Hải Phòng, Thái Bình, Ninh Bình và Nam Định.

- Phát triển đô thị vừa và nhỏ, khai thác hiệu quả và mở rộng chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp công nghệ cao, dịch vụ, du lịch giữa nông thôn và thành thị. Phát triển các chuỗi giá trị gia tăng của các đô thị nhỏ trong vùng đô thị lớn.

c) Phương hướng phát triển các đô thị trung tâm

- Các đô thị lớn của quốc gia:

+ Phát triển Thủ đô Hà Nội "Văn hiến - Văn minh - Hiện đại" trở thành đô thị thông minh, năng động, sáng tạo, dẫn dắt; đầu tàu trong khoa học, công nghệ; trung tâm giao dịch quốc tế, dịch vụ giáo dục, đào tạo, y tế, tài chính, ngân hàng chất lượng cao; đầu mối giao thông quan trọng của khu vực và quốc

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

tế. Tập trung xây dựng hạ tầng đô thị hiện đại, nhất là hạ tầng giao thông, thoát nước, sớm khắc phục tình trạng tắc nghẽn, ngập úng. Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các dự án đường sắt đô thị; xây dựng thêm các cầu qua sông Hồng, sông Đuống. Phát triển và tăng cường quản lý, khai thác không gian ngầm gắn với nâng cao hiệu quả sử dụng quỹ đất đô thị.

+ Phát triển thành phố Hải Phòng trở thành thành phố công nghiệp phát triển hiện đại, thông minh, bền vững tầm cỡ khu vực Đông Nam Á; trung tâm dịch vụ logistics quốc tế hiện đại bằng cả đường biển, đường hàng không, đường bộ cao tốc, đường sắt tốc độ cao; trung tâm quốc tế về đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng và phát triển khoa học - công nghệ với các ngành nghề hàng hải, đại dương học, kinh tế biển. Cơ bản đạt các tiêu chí của đô thị loại đặc biệt.

- Các đô thị trung tâm vùng:

+ Thành phố Hạ Long có vai trò là kết nối, hỗ trợ và lan tỏa sự phát triển từ vùng động lực Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh đến vùng biên giới Việt Trung, khu vực Vịnh Bắc Bộ. Tập trung phát triển dịch vụ và thương mại, du lịch di sản thiên nhiên quốc tế. Phát triển Hạ Long trở thành trung tâm đô thị du lịch bền vững, ứng phó với biến đổi khí hậu, liên kết vùng về môi trường nhằm cân bằng giữa bảo tồn và phát triển Di sản kỳ quan thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long, xây dựng thương hiệu đô thị du lịch di sản thiên nhiên quốc tế.

+ Thành phố Hải Dương có vai trò kết nối, hỗ trợ và lan tỏa sự phát triển từ vùng động lực Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh đến vùng phía Nam đồng bằng sông Hồng. Phát triển các mô hình đô thị - công nghiệp - dịch vụ, khu công nghiệp sạch, công nghiệp hỗ trợ, logistics, tổng kho trung chuyển kết hợp giao thông đường bộ, đường thủy và đường sắt. Chia sẻ chức năng cấp vùng về y tế và giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ, du lịch (Côn Sơn - Kiếp Bạc, Kinh Môn...), về nguồn nhân lực chất lượng cao tập trung tại khu vực về phía Đông của vùng Thủ đô Hà Nội và phía Đông Nam vùng đồng bằng sông Hồng.

+ Thành phố Nam Định có vai trò là trung tâm tiểu vùng phía Nam của vùng đồng bằng sông Hồng gắn với hành lang kinh tế ven biển Quảng Ninh - Hải Phòng - Thái Bình - Nam Định - Ninh Bình, là đầu mối liên kết vùng về đường sắt Bắc - Nam, đường sắt kết nối Nam Định - Thái Bình - Hải Phòng - Quảng Ninh. Tập trung phát triển dịch vụ, thương mại, du lịch, phát huy vai trò động lực của các khu kinh tế ven biển gắn với các khu đô thị ven biển. Phát triển đô thị cân bằng bảo vệ môi trường sinh thái, đa dạng sinh học các vùng ngập nước ở Nam Định.

2. Phương hướng phát triển nông thôn

- Xây dựng khu vực nông thôn vùng đồng bằng sông Hồng văn minh, có hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, đời sống người dân nông thôn có chất lượng

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

tiệm cận gần đô thị, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống đặc trưng của vùng.

- Phát triển nông thôn theo hướng bền vững, xây dựng các mô hình phân bố dân cư phù hợp với từng vùng sinh thái tự nhiên, phù hợp với đặc điểm văn hóa, dân tộc, điều kiện kinh tế - xã hội. Phát triển hệ thống điểm dân cư nông thôn gắn với công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; tái cơ cấu nông nghiệp, tổ chức lại sản xuất để có giá trị gia tăng cao hơn, thu nhập của người làm nông nghiệp cao hơn, góp phần thu hẹp khoảng cách về thu nhập, phát triển giữa người dân nông thôn và người dân đô thị.

- Kết hợp kinh tế với quốc phòng - an ninh trong quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, nhất là các xã vùng trọng điểm (biên giới, hải đảo) bảo đảm giữ vững chủ quyền quốc gia.

3. Phương hướng phát triển các khu chức năng

Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả phát triển các khu kinh tế ven biển, khu công nghệ cao, khu công nghiệp, khu thương mại tự do với kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, có sức cạnh tranh quốc tế và khu vực. Trong đó:

a) Khu kinh tế

- Khu kinh tế cửa khẩu: Tăng cường đầu tư, hoàn thiện và hiện đại hóa kết cấu hạ tầng tại Khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái và các khu kinh tế cửa khẩu khác trên địa bàn Quảng Ninh nhằm thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa, khai thác thị trường phía Nam Trung Quốc, tạo động lực phát triển kinh tế cho địa phương, vùng và quốc gia. Trong đó, ưu tiên tập trung các dự án hạ tầng thiết yếu hỗ trợ cho hoạt động xuất nhập cảnh, xuất nhập khẩu hàng hóa; xây dựng các khu chức năng như khu phi thuế quan, khu thương mại công nghiệp, dịch vụ hỗ trợ hoạt động sản xuất và xuất nhập khẩu.

- Khu kinh tế ven biển, khu kinh tế chuyên biệt: Đẩy mạnh đầu tư, phát triển 04 khu kinh tế ven biển hiện hữu gồm khu kinh tế ven biển Quảng Yên (Quảng Ninh); khu kinh tế Vân Đồn (Quảng Ninh); khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải (Hải Phòng); khu kinh tế ven biển Thái Bình (Thái Bình). Thành lập mới các Khu kinh tế Ninh Cơ (tỉnh Nam Định); khu kinh tế ven biển phía Nam Hải Phòng, trong đó nghiên cứu khu thương mại tự do; Khu kinh tế chuyên biệt (tỉnh Hải Dương). Phát triển các cảng biển chuyên dùng gắn với các khu kinh tế ven biển của vùng.

b) Khu công nghiệp

- Phát triển các khu công nghiệp sinh thái để thúc đẩy sản xuất sạch hơn và sử dụng hiệu quả tài nguyên; có sự liên kết, hợp tác trong sản xuất để thực hiện các hoạt động cộng sinh công nghiệp trong và ngoài vùng; phát triển khu công nghiệp chuyên ngành để hình thành các cụm liên kết ngành.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

- Tập trung đầu tư, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp ven biển, phát huy vai trò động lực của các khu kinh tế ven biển gắn với các khu đô thị ven biển của các địa phương có biển. Hình thành các khu công nghiệp - dịch vụ - đô thị hiện đại, bảo đảm sự kết nối đồng bộ giữa hệ thống khu công nghiệp với hệ thống các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội.

- Đẩy mạnh hoàn thiện hạ tầng, thu hút đầu tư, nâng cao tỷ lệ lấp đầy đối với các khu công nghiệp đang hoạt động. Hoàn thành các thủ tục và đẩy nhanh triển khai đầu tư hạ tầng các khu công nghiệp đã được thành lập để đưa ngay vào hoạt động; hoàn thiện các quy trình, thủ tục để thành lập và thực hiện đầu tư hạ tầng các khu công nghiệp đã được phê duyệt theo quy định bảo đảm phù hợp với chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất được phân bổ theo quy định của pháp luật về đất đai.

c) Khu công nghệ cao

- Đẩy nhanh tiến độ đầu tư và thu hút các cơ sở đào tạo, doanh nghiệp đầu tư vào khu công nghệ cao Hòa Lạc (Hà Nội). Phát triển khu đô thị Hòa Lạc gắn với tăng cường đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; kết nối chặt chẽ với khu đô thị Đại học Quốc gia Hà Nội tạo nên hệ sinh thái đô thị nghiên cứu, đổi mới sáng tạo tầm quốc gia, quốc tế. Phát triển Khu công nghệ cao Hà Nam tập trung vào lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, tự động hoá, công nghệ sinh học.

- Nghiên cứu và phát triển một số khu công nghệ cao có tính chuyên ngành ở một số địa phương như: Hải Phòng, Quảng Ninh, Thái Bình, Nam Định, Hà Nam và các địa phương khác trong vùng khi đảm bảo các điều kiện theo quy định hiện hành; gắn kết các khu công nghệ cao tại các địa phương với mạng lưới trung tâm đổi mới sáng tạo để hình thành và phát huy hiệu quả mạng lưới khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ khoa học công nghệ cho vùng và cả nước.

d) Khu du lịch

- Thu hút đầu tư và nâng cao chất lượng hai khu du lịch quốc gia đã được công nhận gồm: Khu du lịch quốc gia Trà Cổ (Quảng Ninh) và khu du lịch quốc gia Tam Đảo (Vĩnh Phúc); quản lý, bảo vệ và phát triển tài nguyên, đáp ứng yêu cầu trong thời kỳ mới.

- Thu hút đầu tư, nâng cao chất lượng bảo đảm đáp ứng được yêu cầu và tiêu chí đối với các địa điểm đã được định hướng thành khu du lịch quốc gia gồm: Ba Vì (Hà Nội), Cát Bà (Hải Phòng), Vân Đồn (Quảng Ninh), Côn Sơn - Kiếp Bạc (Hải Dương), Tràng An (Ninh Bình), Tam Chúc (Hà Nam).

- Nghiên cứu, bổ sung mới các địa điểm có tiềm năng trở thành các khu du lịch quốc gia gồm: Hương Sơn - Quan Sơn (Hà Nội), Yên Tử (Quảng Ninh), Hồ Đại Lải (Vĩnh Phúc). Đẩy mạnh phát triển các khu du lịch cấp tỉnh, đặc biệt là các khu du lịch gắn với tài nguyên biển, đảo và dọc hành lang du lịch của

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

vùng đồng bằng sông Hồng.

đ) Khu nghiên cứu, đào tạo

- Xây dựng khu đại học quốc gia tại Hòa Lạc (Hà Nội) trở thành khu đô thị đại học quốc gia thông minh, hiện đại hàng đầu khu vực, nơi tập trung các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu, trung tâm nghiên cứu, các doanh nghiệp lớn của Việt Nam và thế giới, kết hợp với các đô thị tạo nên hệ sinh thái khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo của quốc gia, quốc tế. Đẩy nhanh việc di dời các trường đại học, viện nghiên cứu, trung tâm nghiên cứu ở khu vực nội đô trung tâm Hà Nội về khu đô thị đại học quốc gia.

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ đầu tư, thu hút đầu tư phát triển một số khu đại học ở các tỉnh như: Khu đại học Phố Hiến (Hưng Yên); khu đại học Nam Cao (Hà Nam); khu đại học tại Vĩnh Phúc; khu đại học tại Bắc Ninh theo hướng đầu tư đồng bộ, bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, hạ tầng kết nối. Nghiên cứu xây dựng các chính sách hợp lý để bảo đảm phát triển và khai thác hiệu quả tiềm năng của vùng về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và giáo dục - đào tạo.

e) Khu thể dục, thể thao

- Hình thành một số công trình thể thao (khu liên hợp thể thao, trung tâm huấn luyện thể thao) đạt tiêu chuẩn quốc tế, bảo đảm các điều kiện để sẵn sàng đăng cai tổ chức thành công các sự kiện thể thao lớn của Châu Á và thế giới; trong đó, tập trung đầu tư nâng cấp Khu Liên hợp thể thao Quốc gia Mỹ Đình (Hà Nội).

- Tập trung xây dựng và nâng cấp các khu liên hợp thể thao tại các tỉnh, thành phố đóng vai trò là các cơ sở liên kết tổ chức Đại hội thể thao toàn quốc, khu vực Đông Nam Á; bảo đảm thúc đẩy phát triển thể dục thể thao vùng và liên vùng.

4. Vùng sản xuất tập trung

a) Các trung tâm công nghiệp

- Trung tâm công nghiệp vùng Thủ đô Hà Nội bao gồm khu vực phía Bắc và phía Đông Hà Nội (Mê Linh, Sóc Sơn, Gia Lâm, một phần Đông Anh), Bắc Ninh, khu vực phía Đông Nam Vĩnh Phúc (Thành phố Vĩnh Yên, huyện Bình Xuyên) và khu vực phía Bắc Hưng Yên (các huyện Văn Giang, Văn Lâm, Yên Mỹ).

Tập trung phát triển theo hướng hình thành trung tâm công nghiệp chế tạo lớn, hiện đại hàng đầu trong cả nước về công nghiệp điện tử, công nghiệp công nghệ thông tin, sản xuất chíp và linh kiện, thiết bị điện tử, viễn thông, rô-bốt, sản xuất phần mềm, máy móc thiết bị y tế công nghệ cao; công nghiệp cơ khí chính xác, chế tạo máy công cụ và một phần là công nghiệp hỗ trợ, sản xuất lắp ráp ô tô.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

- Trung tâm công nghiệp phía Đông Bắc (gắn kết với khu cảng Hải Phòng - Quảng Ninh), bao gồm: Thành phố Hải Phòng, khu vực phía Nam Quảng Ninh (Thành phố Hạ Long, thị xã Quảng Yên, thành phố Cẩm Phả, thành phố Uông Bí, thị xã Đông Triều), khu vực trung tâm tỉnh Hải Dương (Thành phố Hải Dương và một số huyện nằm dọc quốc lộ 5, cao tốc Hà Nội - Hải Phòng như Cẩm Giàng, Kim Thành và một phần huyện Thanh Hà).

Tập trung phát triển theo hướng hình thành trung tâm công nghiệp sản xuất ô tô, máy động lực, máy nông nghiệp, đóng tàu và công nghiệp hỗ trợ ngành đóng tàu, sản xuất hàng điện tử tiêu dùng xuất khẩu, luyện cán thép; trung tâm công nghiệp năng lượng, hóa chất, hóa dược và một phần là trung tâm ngành công nghiệp dệt may, da giày, chế biến thủy sản, nông sản của vùng.

- Trung tâm công nghiệp phía Nam bao gồm thành phố Nam Định và khu vực xung quanh thuộc một phần các huyện Mỹ Lộc, Vụ Bản, tỉnh Nam Định; thành phố Thái Bình và khu vực xung quanh thuộc một phần các huyện Vũ Thư, Đông Hưng nằm dọc theo quốc lộ 10, tỉnh Thái Bình. Tập trung phát triển theo hướng hình thành trung tâm công nghiệp dệt may, da giày, công nghiệp chế biến nông sản, thủy sản, thực phẩm, dược liệu và trung tâm một số ngành công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn vùng.

b) Các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung

- Vùng vành đai nông nghiệp ven biển thuộc phạm vi các huyện giáp biển của tỉnh Quảng Ninh, thành phố Hải Phòng, tỉnh Thái Bình, tỉnh Nam Định, tỉnh Ninh Bình. Tập trung phát triển sản xuất hàng hóa lớn, tiêu thụ liên vùng và xuất khẩu; chế biến công nghiệp các ngành sản phẩm nuôi trồng thủy sản nước mặn, nước lợ, khai thác hải sản; phát triển các mô hình canh tác lúa kết hợp rau màu và chăn nuôi gia súc chủ yếu để cung ứng nhu cầu tại chỗ trên địa bàn, khu vực xung quanh.

- Vùng vành đai nông, lâm nghiệp trung du đồi núi thuộc phạm vi tỉnh Vĩnh Phúc, khu vực phía Tây và phía Bắc Hà Nội, khu vực phía Bắc Hải Dương, phía Tây và một phần thuộc huyện Hải Hà, thành phố Móng Cái tỉnh Quảng Ninh, phía Tây Hà Nam, phía Tây - Bắc Ninh Bình. Tập trung phát triển sản xuất các sản phẩm hàng hóa lớn gồm trồng cây ăn quả, chăn nuôi đại gia súc (bò sữa, bò thịt, dê), nuôi đặc sản; phát triển sản xuất nông, lâm kết hợp, trồng rừng sản xuất, canh tác lúa kết hợp trồng rau màu và cây thức ăn gia súc để cung ứng chủ yếu cho nhu cầu trên địa bàn.

- Vùng nông nghiệp đồng bằng thuộc phạm vi còn lại trong vùng, phát triển sản xuất hàng hóa lớn cung ứng liên vùng, cho khu vực đô thị và chế biến, xuất khẩu tập trung vào các sản phẩm có giá trị hàng hóa, chất lượng cao, ứng dụng công nghệ cao và quy mô hàng hóa lớn.

VI. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

1. Phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật

a) Mạng lưới giao thông

Đẩy mạnh xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành giao thông vận tải quốc gia, đồng bộ, hiện đại, kết nối đa phương thức, thúc đẩy kết nối vùng, liên vùng, tạo cơ sở hình thành, phát triển các hành lang, vành đai kinh tế, hình thành các hành lang hướng tâm kết nối với Hà Nội, các hành lang Đông - Tây để kết nối khu vực miền núi phía Tây với các cảng biển khu vực phía Đông. Phát triển hạ tầng đô thị của Hà Nội: Đường sắt đô thị, không gian ngầm, giải quyết dứt điểm tình trạng tắc nghẽn giao thông, úng ngập; hoàn thành dứt điểm các công trình trọng điểm quốc gia về giao thông, hạ tầng số, hạ tầng đô thị. Trong đó:

- Đường bộ:

+ Các tuyến cao tốc, quốc lộ được thực hiện theo quy hoạch, kế hoạch phát triển mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó tập trung vào các tuyến có vai trò quan trọng liên kết nội vùng, liên vùng và quốc tế. Rà soát để đầu tư, cải tạo các cầu trên các tuyến quốc lộ chính yếu và thứ yếu hiện có đang bị hạn chế về tải trọng, hiệu quả vận tải trên toàn mạng lưới tại vùng; từng bước hiện đại hóa hệ thống quản lý, bảo trì công trình, nâng cao hiệu quả khai thác trên toàn mạng lưới;

+ Phát triển một số trục kết nối đến các đầu mối vận tải lớn, các khu công nghiệp, tạo thành không gian phát triển đô thị, công nghiệp, du lịch, dịch vụ, thúc đẩy giao lưu thương mại, đầu tư và phát triển giữa các tỉnh trong vùng bao gồm: Tuyến đường vành đai công nghiệp Bắc Giang - Thái Nguyên - Vĩnh Phúc; tuyến đường kết nối từ đường tỉnh 359 (thành phố Hải Phòng) đi Quảng Yên (Quảng Ninh) qua cầu Bến Rừng, cầu và đường kết nối Uông Bí (Quảng Ninh) với Thủy Nguyên (Hải Phòng), cầu, hầm nối từ khu vực Tiền Phong với Lạch Huyện; tuyến đường kết nối từ Tây Yên Tử, huyện Sơn Động (Bắc Giang) đến đường tỉnh 327B tại xã Tân Dân, thành phố Hạ Long (Quảng Ninh); tuyến đường kết nối theo hướng đường tỉnh 295C từ thành phố Bắc Ninh đến thành phố Từ Sơn kết nối theo trục Hà Nội - Bắc Ninh - Bắc Giang; tuyến đường kết nối hai di tích quốc gia đặc biệt là đền Trần Thương (Hà Nam) và Khu di tích lịch sử - văn hóa đền Trần (Nam Định); tuyến đường kết nối thị trấn Thanh Miện (Hải Dương) sang xã Quỳnh Lâm, huyện Quỳnh Phụ (Thái Bình); tuyến đường kết nối Thái Bình - cầu Nghìn kết nối từ thành phố Thái Bình sang Hải Phòng; các tuyến đường bộ kết nối Vĩnh Phúc với huyện Sóc Sơn, Mê Linh (Hà Nội).

- Đường sắt:

+ Đầu tư phát triển các tuyến đường sắt theo quy hoạch phát triển đường sắt quốc gia đối với các đoạn tuyến đi qua vùng. Từng bước đầu tư xây dựng tuyến đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam. Xây dựng đường sắt vùng, đường sắt

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

kết nối các khu kinh tế cửa khẩu với cảng biển cửa ngõ quốc tế khu vực Hải Phòng - Quảng Ninh, trong đó ưu tiên chuẩn bị và triển khai xây dựng mới các tuyến đường sắt tốc độ cao Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh và Lạng Sơn - Hà Nội kết nối với Trung Quốc. Nghiên cứu phát triển, thu hút đầu tư các tuyến đường sắt kết nối vùng, liên vùng phù hợp nhu cầu từng giai đoạn: Đường sắt ven biển Nam Định - Thái Bình - Hải Phòng - Quảng Ninh (bao gồm cả đoạn Nam Hải Phòng - Hạ Long), Hạ Long - Móng Cái và hoàn thành các tuyến đường sắt khu đầu mối thành phố Hà Nội;

+ Đẩy mạnh quy hoạch đường sắt đô thị tại Hà Nội và các địa phương trong vùng. Nghiên cứu đầu tư các tuyến đường sắt đô thị kết nối Hà Nội với Bắc Ninh, Hưng Yên, Hà Nam, Vĩnh Phúc nhằm tăng cường năng lực vận tải công cộng khối lượng lớn, gắn kết các đô thị liền kề, tạo không gian phát triển xây dựng đô thị, các khu chức năng (mô hình phát triển đô thị theo định hướng giao thông - TOD).

- Cảng biển: Phát triển các cảng biển tại Hải Phòng, Quảng Ninh, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình. Tổ chức các hành lang vận tải thủy ven biển đi qua vùng đồng bằng sông Hồng gồm: 01 hành lang ven biển xuyên Việt (Quảng Ninh đến Kiên Giang), 04 hành lang khu vực miền Bắc (Quảng Ninh - Hải Phòng - Hà Nội, Quảng Ninh - Hải Phòng - Ninh Bình, Hà Nội - Nam Định - Ninh Bình và Hà Nội - Việt Trì - Lào Cai). Đầu tư các bến mới tại cảng biển Hải Phòng, Quảng Ninh; các bến khởi động thuộc khu bến Nam Đồ Sơn khi đáp ứng đủ các điều kiện; khai thác hiệu quả cảng quốc tế Lạch Huyện.

- Cảng hàng không: Nâng cấp, mở rộng các cảng hàng không hiện hữu (Nội Bài, Vân Đồn, Cát Bi). Nghiên cứu và chuẩn bị các điều kiện để sớm hình thành cảng hàng không quốc tế mới tại Tiên Lãng - Hải Phòng, dự bị cho Cảng hàng không quốc tế Nội Bài; nghiên cứu vị trí phù hợp để phát triển cảng hàng không thứ 2 hỗ trợ cảng hàng không quốc tế Nội Bài tại khu vực phía Đông Nam hoặc phía Nam Thủ đô Hà Nội.

- Đường thủy nội địa: Phát triển 13 tuyến vận tải thủy nội địa kết nối liên vùng, liên tỉnh; 15 cụm cảng hàng hóa và 09 cụm cảng hành khách. Trên các tuyến vận tải, đầu tư đồng bộ các kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa. Nghiên cứu hình thành các cụm bến thủy nội địa phục vụ các tuyến kết nối từ bờ ra đảo, tuyến đường thủy nội địa ven bờ gắn với phương án phát triển các khu, điểm du lịch dọc bờ biển, các đảo có tiềm năng khai thác du lịch.

- Cảng cạn: Từng bước hình thành và phát triển hệ thống cảng cạn trong vùng nhằm đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa xuất, nhập khẩu, tăng năng lực thông quan hàng hóa của các cảng biển; tổ chức vận tải container một cách hợp lý nhằm giảm chi phí vận chuyển và thời gian lưu hàng tại cảng biển, đảm bảo an toàn hàng hóa. Phát triển hệ thống cảng cạn trở thành các đầu mối tổ chức vận tải, trung chuyển, phân phối hàng hóa, kết hợp với cung cấp các dịch vụ logistics; tập trung phát triển cảng cạn, cụm cảng cạn tại Hà Nội, Hải Phòng,

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Quảng Ninh, Vĩnh Phúc, Hà Nam và địa bàn khác có tiềm năng.

b) Mạng lưới cấp điện, cung cấp năng lượng

- Phát triển mạng lưới cấp điện phù hợp với Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, bảo đảm đáp ứng nhu cầu tiêu thụ điện cho phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng trong vùng; hình thành hệ thống cấp điện đồng bộ, hiện đại và vận hành thông minh; bảo đảm huy động đủ công suất cấp điện cho phụ tải trong trường hợp sự cố; tăng cường lưới điện trong vùng có khả năng kết nối tốt với lưới điện quốc gia. Phát triển các nguồn cung và lưới điện được chia theo các tiểu vùng điện lực, bao gồm: (i) Khu vực các tỉnh và thành phố Hải Phòng, Hải Dương, Quảng Ninh; (ii) Khu vực Hà Nội và (iii) Khu vực Nam Hà Nội.

- Phát triển các nguồn năng lượng mới, năng lượng tái tạo phù hợp với quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia; nghiên cứu, phát triển điện gió ngoài khơi tại các khu vực có nhiều tiềm năng trong vùng như Thái Bình, Nam Định, Hải Phòng, Quảng Ninh.

- Phát triển hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt tập trung tại thành phố Hải Phòng, Quảng Ninh và các khu vực có lợi thế về cảng biển nước sâu, thuận lợi về kết nối với hệ thống cung ứng, đáp ứng nhu cầu dự trữ thương mại và nhu cầu sản xuất, tiêu thụ của vùng và khu vực Bắc Bộ.

c) Mạng lưới thủy lợi, cấp nước

- Phát triển hạ tầng thủy lợi theo hướng phục vụ đa mục tiêu, đáp ứng yêu cầu sản xuất; giải quyết ô nhiễm nguồn nước, các tác động của hoạt động phát triển. Tập trung giải quyết nguồn nước và giải pháp công trình cấp tưới, cấp nước cho các vùng hạ du sông Hồng bằng hình thức cải tạo các trạm bơm, cống lấy nước kết hợp với xả nước từ các hồ thủy điện.

- Tạo nguồn, kết nối, điều hòa, chuyển nước liên vùng, liên lưu vực; điều tiết nguồn nước từ các hồ chứa thủy điện trên hệ thống sông Hồng - Thái Bình phục vụ cấp nước sản xuất, dân sinh vùng hạ du. Xây dựng các công trình để dâng mực nước trên sông Hồng tại hạ lưu cống Xuân Quan, sông Đuống tại hạ lưu cống Long Tửu để ứng phó với diễn biến hạ thấp mực nước trên hệ thống sông; tiếp nguồn thuận lợi cho hệ thống Bắc Hưng Hải và các sông Đáy, sông Nhuệ, sông Ngũ Huyện Khê, kết hợp với các giải pháp xử lý nước thải để làm sống lại các sông nội đồng như sông Tô Lịch, sông Nhuệ, sông Đáy, sông Ngũ Huyện Khê, sông Châu Giang, sông Bắc Hưng Hải. Thực hiện phương án bổ sung nước từ dòng chính sông Đà vào sông Tích, sông Đáy.

- Sửa chữa, nâng cấp hoàn chỉnh hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải, Bắc Nam Hà, Liễn Sơn - Bạch Hạc, Áp Bắc - Nam Hồng, Bắc Đuống, sông Nhuệ, An Kim Hải, Đa Độ. Nghiên cứu nâng cấp, cải tạo đối với các hệ thống thủy lợi còn lại trong các chương trình, dự án quản lý lưu vực sông và

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

các chương trình dự án phát triển của các tỉnh, thành phố; nghiên cứu cải tạo cụm đầu mối và toàn hệ thống sông Đáy (công trình đầu mối Cẩm Đình và các công trình Vân Cốc, Đập Đáy, lòng dẫn sông Đáy) phục vụ đa mục tiêu.

d) Mạng lưới thoát nước

- Xây dựng các hệ thống công trình tiêu thoát nước, chống ngập cho Thủ đô Hà Nội, Vĩnh Phúc, Hải Phòng và các đô thị khác trong vùng; rà soát, khép kín bờ bao, bờ vùng của các hệ thống tiêu. Đến năm 2030, bảo đảm hệ số tiêu từ 6 - 7,5 l/s/ha, đến năm 2050 nghiên cứu tăng hệ số tiêu phù hợp với xu thế phát triển nhanh của các hạ tầng dân cư, đô thị, sản xuất (theo hướng tăng thêm 10 - 15%). Duy trì tỷ lệ diện tích hồ điều hòa từ 5 - 10% trong các khu đô thị, khu công nghiệp.

- Xây dựng các trạm bơm tiêu ra sông chính trên địa bàn Hà Nội, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình. Cải tạo, nâng cấp, thay thế các trạm bơm tiêu đã cũ, lạc hậu bằng các máy bơm có công nghệ tiên tiến, hiệu suất cao, tiết kiệm điện năng.

- Cải tạo các trục tiêu nước chính trên các hệ thống thủy lợi như sông Nhuệ, sông Đáy, sông Cà Lồ, Ngũ Huyện Khê, Bắc Hưng Hải, Bắc Nam Hà, các hệ thống thủy lợi ở Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình. Cải tạo, cắm mốc bảo vệ hệ thống kênh tiêu của các trạm bơm.

- Đối với khu vực ảnh hưởng triều ven biển các tỉnh, thành phố trong vùng, mở rộng cống, tăng cường tiêu tự chảy và bổ sung thêm các giải pháp tiêu động lực bằng bơm để tăng khả năng chủ động khi gặp tổ hợp lũ trên sông cao kết hợp cùng triều cường, các cống không tiêu được.

- Thực hiện đẩy mặn trên dòng chính do các hồ chứa ở thượng du đảm nhiệm; kết hợp xây dựng các đập dâng nước trên sông Hồng góp phần khắc phục tình trạng các công trình không lấy được nước do hạ thấp mực nước.

đ) Mạng lưới thông tin và truyền thông

- Phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông phù hợp Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, bảo đảm hiện đại, đồng bộ đáp ứng yêu cầu phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, bảo vệ môi trường và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Phát triển và phân bố các trung tâm bưu chính khu vực tại địa phương thuộc vùng bảo đảm yêu cầu về kỹ thuật, khoảng cách tiếp cận. Phát triển các trung tâm bưu chính vùng tại các địa phương Hải Dương, Hải Phòng, Nam Định kết nối với trung tâm bưu chính cấp tỉnh khác trong vùng và các trung tâm bưu chính của các vùng khác.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

- Tập trung đầu tư hạ tầng viễn thông, hạ tầng số hiện đại, an toàn, nhất là hạ tầng viễn thông băng rộng, điện toán đám mây, IoT... Trong đó:

+ Phát triển hạ tầng viễn thông băng rộng song song, đồng bộ với hạ tầng giao thông, hạ tầng điện, mạng lưới cấp nước nội vùng, liên vùng. Đẩy mạnh đầu tư, xây dựng, phát triển hạ tầng băng rộng di động chất lượng cao (4G/5G và thế hệ tiếp theo) trên phạm vi toàn vùng. Ưu tiên triển khai tại các khu vực công cộng, điểm du lịch, tại các khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, hành lang, vành đai kinh tế và khu vực động lực của vùng;

+ Thúc đẩy phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT) tích hợp vào các cơ sở hạ tầng truyền thống trong xây dựng thành phố thông minh, giao thông vận tải, năng lượng, nhà máy thông minh và trong xây dựng cơ sở hạ tầng công cộng tại các địa phương trong vùng;

+ Hình thành cụm trung tâm dữ liệu đa mục tiêu cấp quốc gia, cấp vùng. Phát triển các trung tâm dữ liệu biên quy mô vừa và nhỏ tại các địa phương trong vùng kết nối với trung tâm dữ liệu vùng;

+ Hình thành trung tâm chuyển đổi số vùng lấy Hà Nội làm trung tâm để tập trung các doanh nghiệp công nghệ số; phát triển và thí điểm các giải pháp số, sản phẩm số, bồi dưỡng nguồn nhân lực số của vùng để lan tỏa đến các địa phương trong vùng.

- Phát triển các khu công nghệ thông tin tập trung trong vùng để tạo hệ sinh thái, nâng cao năng lực cạnh tranh và hàm lượng sản phẩm công nghệ thông tin; ưu tiên triển khai các khu công nghệ thông tin tập trung có các dự án thành lập trung tâm nghiên cứu - phát triển, sản xuất các sản phẩm công nghệ số Made in Viet Nam phục vụ cho chuyển đổi số của vùng và của quốc gia.

- Tổ chức các cơ quan báo chí trong vùng theo hướng hội tụ, đa phương tiện, đa nền tảng. Xây dựng và phát triển một số nhà xuất bản trọng điểm có ảnh hưởng lớn, phân bố hợp lý, hình thành mạng lưới cơ sở phát hành xuất bản phẩm đến cấp huyện, xã. Sử dụng các nền tảng công nghệ số tương tác với người dân và bảo đảm cung cấp thông tin và người dân được tiếp cận thông tin; đặc biệt tại các địa phương có cửa khẩu quốc tế, thiết lập cụm thông tin đối ngoại.

e) Các khu xử lý chất thải

- Đầu tư, phát triển hệ thống thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế chất thải rắn theo hướng hiện đại, đồng bộ, phù hợp với loại chất thải rắn được thu gom. Giảm thiểu tối đa việc chôn lấp để tránh gây ô nhiễm; cải tạo các bãi chôn lấp không hợp vệ sinh; tăng cường hợp tác liên tỉnh trong xử lý chất thải rắn để áp dụng các công nghệ xử lý chất thải hiện đại.

- Ưu tiên xây dựng các khu xử lý chất thải tập trung đồng bộ, hiện đại liên vùng, liên tỉnh, đặc biệt là các cơ sở xử lý chất thải nguy hại, áp dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại. Tập trung đầu tư khu xử lý chất thải cấp vùng là Khu

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

xử lý chất thải Nam Sơn, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội. Nghiên cứu phương án xử lý chất thải phân tán với công nghệ hiện đại, phù hợp với điều kiện và quy mô phát thải tại Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Dương, Hải Phòng.

g) Hạ tầng phòng cháy, chữa cháy

- Hình thành trung tâm liên kết vùng với kết cấu hạ tầng đồng bộ về phòng cháy và chữa cháy quốc gia là Thủ đô Hà Nội; địa phương trọng điểm vệ tinh liên kết là Hải Phòng, Quảng Ninh và Hà Nam.

- Xây dựng trụ sở cơ quan Cục Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy và cứu nạn cứu hộ tại Thanh Xuân, Hà Nội; thành lập Trung tâm huấn luyện và ứng phó khẩn cấp về phòng cháy và chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Bộ Công an, Viện nghiên cứu khoa học công nghệ phòng cháy và chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại cụm công trình của Cục Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tại Hà Nam.

2. Phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng xã hội

a) Mạng lưới cơ sở giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp

- Tổ chức, sắp xếp lại các trường đại học, cao đẳng; nâng cấp một số trường đại học và sư phạm trên địa bàn vùng. Đầu tư, nâng cấp một số trường có thương hiệu hiện có hoặc thành lập mới một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp ở một số địa phương trong vùng thành trường cao đẳng đa ngành, chất lượng cao, tiếp cận trình độ ASEAN-4.

- Ưu tiên huy động mọi nguồn lực đầu tư xây dựng, nâng cấp 03 cơ sở đào tạo đại học thành các cơ sở đào tạo đại học trọng điểm quốc gia trên địa bàn vùng gồm các trường: Đại học Bách khoa, Đại học Kinh tế quốc dân, Đại học Quốc gia Hà Nội. Đầu tư xây dựng, nâng cấp một số trường đại học trên địa bàn vùng thành trường trọng điểm ngành.

- Hoàn thành xây dựng và đưa vào khai thác vận hành Khu đô thị Đại học quốc gia tại Hòa Lạc, Hà Nội và một số khu đại học ở một số địa phương trong vùng. Xây dựng Hải Phòng trở thành trung tâm về đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng, phát triển khoa học và công nghệ với các ngành: Hàng hải, đại dương học, kinh tế biển.

- Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt, tạo cơ hội cho mọi người dân tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ giáo dục nghề nghiệp, bảo đảm quy mô, cơ cấu, chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu thị trường lao động và hội nhập quốc tế. Trong đó:

+ Xây dựng trung tâm quốc gia đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao đạt tiêu chuẩn khu vực và quốc tế, phù hợp với phát triển các ngành nghề ưu tiên tại các trung tâm kinh tế lớn trên cơ sở nâng cấp, mở rộng, hiện đại hóa cơ

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

sở vật chất, trang thiết bị của trường Cao đẳng Nghề công nghệ cao Hà Nội;

+ Phát triển hệ thống trường trung cấp, cao đẳng của vùng trên địa bàn các tỉnh, thành phố thuộc danh sách các trường nghề được ưu tiên đầu tư tập trung, đồng bộ theo tiêu chí trường nghề chất lượng cao.

- Đầu tư xây dựng Trung tâm Giáo dục đặc biệt Quốc gia tại Hà Nội có vai trò điều tiết hệ thống các cơ sở giáo dục hòa nhập và chuyên biệt trên địa bàn vùng và cả nước. Đầu tư xây dựng trường chuyên biệt liên cấp chất lượng cao của vùng tại Hà Nội để hỗ trợ chuyên môn cho vùng.

b) Mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo

Tập trung xây dựng và nâng cao hiệu quả hoạt động của các trung tâm đổi mới sáng tạo, khoa học công nghệ, hệ sinh thái khởi nghiệp, thúc đẩy hoạt động chuyển giao công nghệ. Hình thành các cụm liên kết ngành về đổi mới sáng tạo, liên kết các tổ chức khoa học công nghệ, trường đại học, viện nghiên cứu, quỹ đầu tư mạo hiểm với các khu công nghệ cao, khu công nghiệp, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Trong đó:

- Hình thành mạng lưới trung tâm đổi mới sáng tạo trong vùng. Gắn kết giữa Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia tại Hà Nội và các trung tâm đổi mới sáng tạo ở các địa phương. Xây dựng trung tâm đổi mới sáng tạo, trí tuệ nhân tạo vùng tại Hải Phòng, Hà Nam, Bắc Ninh, Nam Định, Quảng Ninh.

- Hoàn thành việc xây dựng và đầu tư, hiện đại hóa cơ sở vật chất, tăng cường năng lực, nâng cao hiệu quả hoạt động của trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia tại Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Hà Nội. Xây dựng, phát triển Khu đô thị đại học Hòa Lạc theo mô hình "5 trong 1" bao gồm: Trung tâm đào tạo tài năng; trung tâm nghiên cứu chuyển giao công nghệ hiện đại; trung tâm đổi mới sáng tạo ngang tầm quốc gia và quốc tế; đô thị đại học thông minh, hiện đại; trung tâm thử nghiệm hợp tác công tư và đào tạo nghiên cứu.

- Phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các phòng thí nghiệm trọng điểm cấp quốc gia, phòng thí nghiệm chuyên ngành, các cơ sở nghiên cứu, cơ sở ươm tạo công nghệ, công viên công nghệ.

c) Mạng lưới cơ sở y tế

Phát triển hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hiệu quả và hội nhập; y tế dự phòng là then chốt, y tế cơ sở là nền tảng; y tế chuyên sâu đồng bộ và cân đối với y tế cộng đồng, bảo đảm mọi người dân có cơ hội tiếp cận bình đẳng dịch vụ y tế có chất lượng, hướng tới bao phủ chăm sóc sức khỏe và bảo hiểm y tế toàn dân. Trong đó:

- Đầu tư, nâng cấp 03 bệnh viện cấp quốc gia hạng đặc biệt trên địa bàn

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

vùng gồm: Bệnh viện Bạch Mai, Bệnh viện Trung ương Quân đội 108, Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức trở thành bệnh viện hiện đại ngang tầm một số nước có hệ thống chăm sóc sức khỏe tốt trong khu vực Châu Á Thái Bình Dương. Hoàn thành xây dựng, đưa vào khai thác sử dụng cơ sở 02 các bệnh viện Bạch Mai, Việt Đức và Lão Khoa Trung ương tại tỉnh Hà Nam.

- Phát triển bệnh viện đa khoa cấp tỉnh thành bệnh viện cấp chuyên sâu được giao chức năng vùng đồng bằng sông Hồng tại Hải Phòng. Ưu tiên phát triển bệnh viện chuyên khoa tỉnh bảo đảm chức năng vùng tại một số địa phương: Chuyên khoa ung bướu, chuyên khoa tim mạch, trung tâm máu, trung tâm điều phối quốc gia về ghép bộ phận cơ thể người tại Hà Nội; chuyên khoa sản, sản nhi tại Hà Nội và Hải Phòng. Tiếp tục phát triển các bệnh viện cấp chuyên sâu; khuyến khích phát triển các bệnh viện tư nhân có khả năng cung ứng các dịch vụ chất lượng cao, kỹ thuật chuyên sâu và một số bệnh viện tư nhân ngang tầm quốc tế.

- Thành lập Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (CDC) Trung ương trên địa bàn vùng đặt tại vị trí không gian của Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương. Đầu tư phòng xét nghiệm an toàn sinh học cấp 4 cho Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Trung ương. Đầu tư, phát triển trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm vùng trên cơ sở nâng cấp Trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm của Hà Nội.

d) Mạng lưới cơ sở văn hóa

Phát triển mạng lưới cơ sở văn hóa gắn với việc hình thành, phát triển các không gian văn hóa đáp ứng nhu cầu sáng tạo, hưởng thụ văn hóa của Nhân dân. Trong đó:

- Tập trung hoàn thành xây dựng hệ thống các cơ sở bảo tàng văn hóa, lịch sử; phát triển mạng lưới thư viện quốc gia; hình thành hệ thống cơ sở dữ liệu đồng bộ, kết nối, liên thông giữa các thư viện trong mạng lưới. Xây dựng, nâng cấp các thư viện công cộng cấp tỉnh trong vùng và các tỉnh, thành phố đóng vai trò là trung tâm của vùng như Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh… thành thư viện trung tâm cấp vùng, khu vực, kết nối, liên thông, liên kết với hệ thống thư viện quốc gia.

- Phát triển các cơ sở cung cấp sản phẩm, dịch vụ điện ảnh trên nền tảng công nghệ số, mạng internet; hình thành một số cơ sở điện ảnh hiện đại, có khả năng tổ chức sự kiện điện ảnh quốc gia và quốc tế. Xây dựng, nâng cấp các cơ sở nghệ thuật biểu diễn quốc gia tại Hà Nội như Nhà hát Nghệ thuật Quốc gia theo hướng đồng bộ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu tổ chức các sự kiện nghệ thuật quốc gia và quốc tế. Ưu tiên đầu tư xây dựng mới, nâng cấp các nhà hát nghệ thuật truyền thống của các tỉnh, thành phố trong vùng, đáp ứng yêu cầu bảo tồn và phát huy giá trị các loại hình nghệ thuật truyền thống.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

- Hình thành mạng lưới cơ sở trung tâm hội chợ triển lãm quốc gia, cấp vùng như: Trung tâm hội chợ triển lãm quốc gia tại Đông Anh (Hà Nội); trung tâm triển lãm quốc tế hiện đại tại Hà Nội; đầu tư nâng cấp Trung tâm triển lãm văn hóa nghệ thuật Việt Nam tại Hà Nội đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ tổ chức các sự kiện triển lãm mỹ thuật trong nước và quốc tế.

- Xây dựng, nâng cấp một số cơ sở văn hóa của các địa phương đóng vai trò trung tâm vùng: Tỉnh Vĩnh Phúc, Nam Định, Ninh Bình trở thành cửa ngõ giao lưu văn hóa phía Tây và phía Nam của vùng; tỉnh Quảng Ninh và thành phố Hải Phòng trở thành trung tâm giao lưu văn hóa khu vực Đông Bắc; Hà Nội trở thành trung tâm văn hóa, thể thao và du lịch của cả nước.

- Tăng cường đầu tư xây dựng các cơ sở nghiên cứu, đào tạo nhân lực ngành văn hóa nghệ thuật của vùng đạt trình độ khu vực và quốc tế. Xã hội hóa đầu tư vào các dự án văn hóa; tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng nhằm phát triển toàn diện lĩnh vực văn hóa.

đ) Mạng lưới cơ sở thể thao

Phát triển mạng lưới cơ sở thể dục thể thao đồng bộ, hiện đại, có một số công trình xây dựng đạt tiêu chuẩn quốc tế. Trong đó:

- Mở rộng, nâng cấp, hiện đại hóa trung tâm huấn luyện thể thao quốc gia và cấp vùng trên địa bàn đáp ứng yêu cầu huấn luyện các môn thể thao thành tích cao. Đầu tư xây dựng Trung tâm huấn luyện thể thao quốc gia III tại huyện Tam Đảo (tỉnh Vĩnh Phúc); Trung tâm huấn luyện thể thao quốc gia Hà Nam (tỉnh Hà Nam). Cải tạo sửa chữa và nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị, hiện đại hoá các trung tâm huấn luyện thể thao quốc gia tại Hà Nội.

- Mở rộng, nâng cấp cơ sở vật chất của cơ quan nghiên cứu thể thao, tăng cường ứng dụng công nghệ hiện đại nhằm đáp ứng yêu cầu nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực thể dục thể thao. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ kỹ thuật cao trong công tác khám chữa bệnh, chữa trị chấn thương, phục hồi chức năng cho vận động viên thể thao, các trọng tài, huấn luyện viên, cán bộ làm công tác thể thao và Nhân dân. Nâng cấp Bệnh viện Thể thao Việt Nam trở thành trung tâm khám bệnh, chữa trị chấn thương, phục hồi chức năng cho vận động viên đạt trình độ khu vực và quốc tế.

- Phát triển Trung tâm Dopping và Y học thể thao trở thành cơ sở nghiên cứu, kiểm tra, phòng chống doping trong lĩnh vực thể thao khu vực Đông Nam Á (có khả năng xét nghiệm doping đạt tiêu chuẩn quốc tế).

e) Mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội và cơ sở xã hội nuôi dưỡng người có công

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Phát triển hệ thống an sinh xã hội toàn diện, phổ cập và hiện đại; hỗ trợ người dân ứng phó hiệu quả trước các rủi ro về kinh tế - xã hội và môi trường. Phát triển Trung tâm phục hồi chức năng người khuyết tật Thụy An (huyện Ba Vì, Hà Nội) trở thành cơ sở bảo trợ quốc gia; chuyển đổi cơ sở cai nghiện ma túy hiện tại thuộc quản lý của thành phố Hà Nội (cơ sở số 2 đặt tại Ba Vì) thành cơ sở cai nghiện ma túy quốc gia. Duy trì và phát triển mạng lưới cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công cấp tỉnh, thành phố trong vùng; hình thành mạng lưới cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng cấp quốc gia trên cơ sở sáp nhập, xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo các cơ sở hiện có trên địa bàn vùng và nâng cấp, xây mới cơ sở hạ tầng, đầu tư trang thiết bị kỹ thuật.

g) Hạ tầng thương mại

Xây dựng và phát triển hạ tầng thương mại trong vùng đồng bộ, hiện đại, xanh và bền vững, phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của thị trường, trong đó tập trung ưu tiên các loại hình hạ tầng thương mại có tính lan tỏa, có tác động đáng kể hỗ trợ sản xuất lưu thông; tập trung hình thành được một hệ thống trung tâm logistics cơ bản hoàn chỉnh, có tính liên kết cao.

VII. PHƯƠNG HƯỚNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRÊN LÃNH THỔ VÙNG

1. Phương hướng liên kết bảo vệ môi trường

- Kiện toàn thể chế, cơ chế liên kết, phối hợp giữa các địa phương, vùng trong bảo vệ môi trường; chú trọng nghiên cứu, ban hành các cơ chế, chính sách huy động hiệu quả nguồn lực vào đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng môi trường vùng, đặc biệt là các dự án xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại tập trung cấp vùng và liên tỉnh có công nghệ tiên tiến, hiện đại.

- Tăng cường liên kết vùng, tập trung giải quyết căn bản các vấn đề môi trường, nhất là rác thải, khí thải, ô nhiễm tại các dòng sông, tình trạng ngập úng ở thành phố Hà Nội, thành phố Hải Phòng và các đô thị lớn; bảo tồn, khai thác sử dụng tài nguyên, đa dạng sinh học của các khu bảo tồn thiên nhiên, khu di sản thiên nhiên cấp quốc gia; cải thiện phục hồi chất lượng môi trường tại lưu vực sông Nhuệ, sông Đáy, hệ thống thủy lợi Bắc Hưng Hải.

- Nghiên cứu xây dựng trung tâm dữ liệu môi trường vùng, hoàn thiện và chia sẻ hệ thống cơ sở dữ liệu chung của các tỉnh, thành phố trong vùng, nhất là về lĩnh vực môi trường để phục vụ công tác điều phối liên kết vùng hiệu quả, chính xác, kịp thời.

2. Phương hướng liên kết bảo vệ các lưu vực sông liên tỉnh

- Bảo vệ môi trường lưu vực sông Hồng - Thái Bình theo hướng tổ chức thực hiện thường xuyên quan trắc chất lượng nước theo mạng lưới quan trắc trên lưu vực sông và trên địa bàn các tỉnh, thành phố thuộc lưu vực; đẩy mạnh

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

ứng dụng công nghệ thông tin vào cập nhật cơ sở dữ liệu tài nguyên nước và môi trường của lưu vực sông liên tỉnh trong vùng.

- Các địa phương đẩy mạnh phối hợp xây dựng và tổ chức thực hiện tốt kế hoạch định kỳ và đột xuất hàng năm về kiểm soát ô nhiễm để ngăn chặn, xử lý các nguồn gây ô nhiễm môi trường.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh và dịch vụ trên địa bàn; xử lý nghiêm các cơ sở không đầu tư hệ thống xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường theo quy định của pháp luật về môi trường; khuyến khích áp dụng các hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 14001.

3. Phương hướng liên kết bảo vệ các khu vực ven biển liên tỉnh

- Ưu tiên quỹ đất, áp dụng các mô hình tổ chức tập trung tạo thuận lợi cho việc liên kết bảo vệ khu vực ven biển trong phát triển một số ngành sản xuất công nghiệp và dịch vụ hiện đại; thúc đẩy đô thị hóa gắn với phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng, bảo đảm các tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo vệ môi trường, ứng phó với sự cố, thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Kiểm soát, ngăn ngừa và giảm thiểu ô nhiễm môi trường vùng bờ; quản lý hiệu quả các nguồn gây ô nhiễm từ đất liền ở vùng bờ.

- Duy trì và phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và rừng ngập mặn ven biển Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình; bảo vệ các khu vực đa dạng sinh học trong vùng; hành lang đa dạng sinh học gồm hành lang ven biển Bắc Bộ (Thái Bình, Hải Phòng, Quảng Ninh).

- Tăng cường liên kết trong khai thác, phục hồi và bảo tồn các hệ sinh thái biển, bảo vệ đa dạng sinh học, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, đặc biệt trong các khu bảo tồn thiên nhiên, khu di sản thiên nhiên cấp quốc gia; ứng phó, giải quyết các sự cố, phục hồi môi trường vùng ven biển; ngăn chặn suy giảm đa dạng sinh học tại các cửa sông Hồng, sông Thái Bình và các vùng đất ngập nước ở Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình.

- Hoàn thành việc thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển của vùng; đầu tư xây dựng, củng cố nâng cấp hệ thống đê, kè biển, khu neo đậu tàu thuyền tránh, trú bão, hệ thống kết cấu hạ tầng thiết yếu và trồng rừng ngập mặn ven biển nhằm tăng khả năng chống chịu, ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

- Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các địa phương ven biển trong việc quản lý rác thải nhựa biển.

4. Phương hướng xác lập các khu vực đa dạng sinh học cao, vùng đất ngập nước quan trọng, khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng, các khu bảo tồn thiên nhiên, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, các hành lang đa dạng sinh học liên tỉnh

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

a) Phương hướng xác lập các khu vực đa dạng sinh học cao

- Tiếp tục khoanh vùng bảo vệ và sử dụng bền vững các khu vực đa dạng sinh học cao ngoài các khu bảo tồn thiên nhiên là các khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản, khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn, khu vực cư trú nhân tạo cho loài thuỷ sản hiện có; kế thừa, duy trì tính ổn định của các hệ thống bảo tồn đa dạng sinh học.

- Nghiên cứu xác lập khu vực có đa dạng sinh học cao tại vùng biển đảo Bạch Long Vĩ, địa phận Hải Phòng và Quảng Ninh. Nghiên cứu xác định rõ 14 khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; 02 khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản ở các đầm phá, vùng ven biển và vùng lộng ven bờ Thái Bình, khu vực cửa sông Đáy (Ninh Bình); 02 khu vực cấm khai thác thuỷ sản có thời hạn ở vùng biển Tây Nam Long Châu (Hải Phòng), vùng ven biển Quất Lâm (Nam Định); 03 khu vực được điều chỉnh, bổ sung về phạm vi, thời gian và đối tượng bảo vệ ở vùng biển ven Đảo Cô Tô (Quảng Ninh), vùng biển Long Châu - Hạ Mai (Hải Phòng), vùng biển Tây Nam Long Châu (Hải Phòng); 05 khu vực bổ sung ở vùng ven biển Đảo Trần (Quảng Ninh), vùng biển phía Nam đảo Mai Hạ (Quảng Ninh), vùng ven biển Cát Bà (Hải Phòng), vùng ven biển Hải Phòng, vùng ven biển Thái Bình.

Xác định 04 khu vực cư trú nhân tạo cho các loài thủy sản, bao gồm: Khu vực phía Bắc quần đảo Long Châu (Quảng Ninh); khu vực phía Nam Quần đảo Cát Bà (Hải Phòng); khu vực phía Nam Tây Nam Quần đảo Long Châu (Hải Phòng); khu vực Tiền Hải (Thái Bình).

b) Phương hướng xác lập các vùng đất ngập nước quan trọng

- Tăng cường bảo tồn, bảo vệ nghiêm ngặt 02 vùng đất ngập nước có tầm quan trọng quốc tế (khu Ramsar) hiện có gồm Vườn Quốc gia Xuân Thủy (Nam Định) và Khu bảo tồn đất ngập nước Vân Long (Ninh Bình) và 02 vùng đất ngập nước quan trọng tầm quốc gia là Khu Bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Thái Thụy và Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Tiền Hải (Thái Bình).

- Hoàn thành việc điều tra, thống kê, kiểm kê diện tích các vùng đất ngập nước quan trọng; khoanh vùng, xác lập được các vùng đất ngập nước quan trọng cấp quốc gia và cấp tỉnh trên các diện tích các hệ sinh thái đất ngập nước nội địa, các hệ sinh thái biển và ven biển.

c) Phương hướng xác lập các khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng

Định hướng xác lập 02 khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng trong thời kỳ 2021 - 2030, bao gồm:

- Khu cảnh quan sinh thái vùng cửa sông ven biển châu thổ sông Hồng (Thái Bình - Nam Định - Ninh Bình) tại các khu vực biển, ven biển.

- Khu cảnh quan sinh thái Hoa Lư tỉnh Ninh Bình (Gia Viễn, Hoa Lư, Tam

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Điệp, Yên Mô).

d) Phương hướng xác lập các khu bảo tồn thiên nhiên và hành lang đa dạng sinh học liên tỉnh

- Xác lập 24 khu bảo tồn, trong đó chuyển tiếp 17 khu bảo tồn và thành lập mới 07 khu bảo tồn.

- Nghiên cứu thành lập mới hành lang đa dạng sinh học liên tỉnh ven biển Bắc Bộ thuộc các tỉnh Thái Bình, Quảng Ninh và thành phố Hải Phòng.

đ) Phương hướng xác lập các cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học

- Đầu tư hỗ trợ, củng cố nâng cao hoạt động của cơ sở bảo tồn đã được thành lập tại Ninh Bình (Cơ sở bảo tồn gấu Ninh Bình) và Trung tâm cứu hộ động vật hoang dã Hà Nội.

- Xây dựng và phát triển một số cơ sở bảo tồn nhằm bảo vệ và phát triển các loài động, thực vật nguy cấp, quý, hiếm.

5. Phương hướng phát triển hệ thống đê điều, kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai

Cải tạo, nâng cấp hệ thống thủy lợi, đê sông, đê biển, nhất là các tuyến đê từ cấp III đến cấp đặc biệt thuộc hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình; chú trọng đầu tư các công trình phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu. Trong đó:

- Củng cố, nâng cấp hệ thống đê sông bảo đảm chống được lũ thiết kế trên các tuyến sông. Xây dựng công trình chỉnh trị, điều tiết đoạn cửa vào sông Đuống để khống chế, ổn định tỷ lệ phân lưu mùa lũ từ sông Hồng sang sông Đuống ở mức từ 30 - 32%. Không nâng cao các tuyến đê bối hiện có, không xây dựng đê bối mới. Khi dự báo xuất hiện trận lũ lớn hơn lũ 500 năm xuất hiện một lần trên hệ thống sông Hồng (vượt lũ thiết kế) hoặc xảy ra sự cố nghiêm trọng đối với hệ thống đê điều khu vực nội thành Hà Nội, thực hiện chuyển lũ từ sông Hồng vào sông Đáy với lưu lượng tối đa là 2.500 m^3/s.

- Củng cố hệ thống đê biển chống nước biển dâng, xâm nhập mặn và công trình cung cấp nước ngọt cho vùng ven biển. Hoàn chỉnh mặt cắt và cao trình đê biển từ Quảng Ninh đến Ninh Bình bảo đảm tiêu chuẩn an toàn đối với các tuyến đê theo cấp đê, với chu kỳ lặp lại từ 100 năm đến 10 năm (tương ứng đê từ cấp II đến cấp V).

- Tu bổ, nâng cấp hệ thống kè chống sạt lở, ưu tiên xử lý các khu vực sạt lở đe dọa trực tiếp đến an toàn đê điều; kết hợp hài hòa giữa giải pháp công trình và phi công trình trong xử lý sạt lở bờ biển. Ưu tiên khôi phục, trồng phát

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

triển rừng ngập mặn chắn sóng phía trước đê, rừng phòng hộ ổn định các khu vực cồn cát có nhiệm vụ như đê biển.

- Chủ động xây dựng phương án ứng phó với kịch bản cực đoan; sử dụng dung tích phòng lũ của các hồ trên hệ thống sông Hồng - sông Thái Bình để điều tiết, cắt giảm lũ cho hạ du; vận hành điều tiết liên hồ khi xuất hiện lũ có chu kỳ lặp 500 năm, bảo đảm lưu lượng lũ trên sông Hồng tại trạm thủy văn Sơn Tây nhỏ hơn hoặc bằng 28.000 m^3/s; tại trạm thủy văn Hà Nội nhỏ hơn hoặc bằng 20.000 m^3/s và mực nước sông Hồng tại trạm thủy văn Hà Nội không vượt quá 13,40 m.

- Rà soát, hoàn thiện quy trình vận hành liên hồ chứa, bảo đảm hài hòa các lợi ích về phòng chống lũ, an ninh năng lượng (sản xuất điện năng) và cấp nước mùa kiệt. Tăng cường quản lý, sử dụng bãi sông bảo đảm không gian thoát lũ; có biện pháp cụ thể đối với các khu vực dân cư tập trung hiện có nằm ngoài bãi sông.

- Bảo vệ không gian thoát lũ; cải tạo lòng dẫn, giải phóng các vật cản ở bãi sông, lòng sông; ngăn chặn và xử lý kịp thời vi phạm pháp luật về đê điều. Xây dựng công trình chỉnh trị để bảo đảm yêu cầu thoát lũ thuận lợi, bảo đảm tỷ lệ lưu lượng tại các phân lưu, hợp lưu. Xây dựng phương án chỉnh trị và phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển bảo đảm ổn định lòng dẫn, đường bờ biển, nâng cao khả năng thoát lũ nhất là các sông chính thuộc hệ thống sông Hồng - Thái Bình.

- Khơi thông dòng chảy tập trung nước thượng lưu và hạ lưu các khu vực dân cư tập trung. Xây dựng, củng cố các công trình ổn định sườn dốc, đập ngăn bùn đá, tường chống sạt lở... bảo vệ dân cư, hạ tầng và sản xuất tại các khu vực có nguy cơ cao.

6. Phương hướng phát triển bền vững rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất liên tỉnh và phát triển kết cấu hạ tầng lâm nghiệp

- Bảo đảm diện tích các loại rừng của các tỉnh, thành phố trong vùng theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025. Bảo vệ và phát triển diện tích rừng đặc dụng, gồm các vườn quốc gia, các khu dự trữ thiên nhiên, các khu bảo tồn loài - sinh cảnh và các khu bảo vệ cảnh quan trên địa bàn vùng; khai thác phát triển kinh tế - xã hội theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp, nâng cao chất lượng rừng đặc dụng hiện có.

- Tập trung duy tu, bảo dưỡng thường xuyên hệ thống đường lâm nghiệp theo quy định của ngành giao thông; tập trung xây dựng mới khoảng 100 km hệ thống đường lâm nghiệp, ưu tiên khu vực vùng sâu, vùng xa, điều kiện khó khăn, những vùng trồng rừng nguyên liệu tập trung; phát huy hiệu quả vai trò của hệ thống đường lâm nghiệp kết hợp đường tuần tra, bảo vệ rừng.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Xây dựng mới và duy tu bảo dưỡng hàng năm đối với văn phòng làm việc của ban quản lý rừng đặc dụng và ban quản lý phòng hộ; các trạm bảo vệ rừng và trạm kiểm lâm và 158 km đường băng cản lửa.

VIII. PHƯƠNG HƯỚNG KHAI THÁC VÀ BẢO VỆ TÀI NGUYÊN NƯỚC, LƯU VỰC SÔNG TRÊN LÃNH THỔ VÙNG

1. Phương hướng ưu tiên phân bổ trong trường hợp bình thường và hạn hán, thiếu nước

- Xác định nguồn nước mặt vẫn là nguồn cung cấp chủ yếu cho các nhu cầu nước của các ngành và cho phát triển kinh tế - xã hội. Nguồn nước dưới đất phục vụ cấp nước sinh hoạt, nhất là các tầng chứa nước nằm sâu để phục vụ cấp nước sinh hoạt ở các vùng thường xuyên bị xâm nhập mặn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng biên giới, hải đảo, vùng khan hiếm nước, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Phân bổ nguồn nước trên địa bàn vùng đáp ứng được yêu cầu về quản lý nhu cầu sử dụng nước và phát huy được hiệu quả các công trình khai thác, sử dụng nước hiện có theo các đối tượng khai thác, sử dụng trên lưu vực sông.

- Trong điều kiện bình thường thực hiện phân bổ đáp ứng cho nhu cầu sử dụng nước cho ngành đối với các lưu vực sông chưa xảy ra tình trạng thiếu nước. Ưu tiên phân bổ nguồn nước cho mục đích sinh hoạt, an sinh xã hội; mục đích đem lại hiệu quả kinh tế đối với các lưu vực sông đang xảy ra tình trạng thiếu nước, khan hiếm nước.

- Trường hợp xảy ra hạn hán, thiếu nước nghiêm trọng mà nguồn nước trên các sông suối, hồ chứa không hoặc khó có khả năng đáp ứng các nhu cầu sử dụng nước (tần suất trên 90%) với quy mô diện rộng, nhiều lưu vực, căn cứ vào hiện trạng nguồn nước trên sông, trong các hồ chứa, dự báo, cảnh báo của cơ quan khí tượng thủy văn, phải có phương án điều hòa phân bổ nguồn nước cụ thể trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Phương hướng bảo vệ tài nguyên nước, phục hồi nguồn nước bị ô nhiễm hoặc bị suy thoái, cạn kiệt

- Đến năm 2030, bổ sung khoảng 35 trạm quan trắc nước mặt, 03 trạm đo mặn, 13 trạm quan trắc môi trường nước tại lưu vực sông Hồng - Thái Bình. Xây dựng, nâng cấp các điểm, công trình quan trắc tài nguyên dưới đất theo Quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Duy trì, bảo vệ diện tích rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng đặc dụng và khôi phục diện tích rừng phòng hộ đầu nguồn bị suy thoái để bảo vệ nguồn sinh thủy trên các lưu vực sông trên toàn quốc; bảo vệ miền cấp nước dưới đất.

- Hạn chế gia tăng lưu lượng khai thác nước dưới đất ở khu vực đô thị có

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

nguy cơ hạ thấp mực nước quá mức, sụt lún đất hoặc phải có các giải pháp khai thác hợp lý; giảm thiểu tối đa tình trạng suy giảm mực nước trên các sông, bảo đảm các yêu cầu về mực nước cho các hoạt động khai thác dọc sông, hoạt động giao thông thủy, bảo vệ môi trường sinh thái; kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải trên lưu vực sông Hồng.

- Cải thiện, khôi phục và làm sống lại các dòng sông, đoạn sông bị suy thoái, cạn kiệt và ô nhiễm, nhất là các sông, suối có vai trò quan trọng trong việc cấp nước, bảo tồn hệ sinh thái nước. Ưu tiên thực hiện đối với sông Cầu, Ngũ Huyện Khê, Nhuệ, Đáy, Bắc Hưng Hải (Hồng - Thái Bình). Không gian phát triển các dòng sông phải bảo đảm hành lang thoát lũ trên lưu vực sông, không gian thoát lũ, gồm khu vực lòng sông và bãi sông nằm giữa 2 đê; hạn chế tối đa việc lấn sông, thu hẹp không gian chứa, thoát lũ của sông; tăng cường quản lý các hoạt động có tác động đến gia tăng sạt lở lòng, bờ bãi sông; phòng, chống, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra với phương châm phòng ngừa là chính.

- Chú trọng bảo vệ một số hồ đặc biệt như: Hồ Đại Lải (Phúc Yên, Vĩnh Phúc); Hồ Xạ Hương (Tam Đảo, Vĩnh Phúc); Hồ Vân Trục (Lập Thạch, Vĩnh Phúc); Hồ Đồng Mô (Sơn Tây, Hà Nội); Hồ Suối Hai (Ba Vì, Hà Nội); Hồ Quan Sơn (Mỹ Đức, Hà Nội). Tăng cường hệ thống giám sát xả nước thải vào nguồn nước bảo đảm số lượng, chất lượng nước đáp ứng các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và môi trường; đến năm 2030, tại Lưu vực sông Hồng - Thái Bình 100% công trình khai thác, sử dụng nước, xả nước thải vào nguồn nước được giám sát vận hành và kết nối hệ thống theo quy định.

IX. PHƯƠNG HƯỚNG BẢO ĐẢM QUỐC PHÒNG, AN NINH

- Kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng - an ninh; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, "thế trận lòng dân" gắn với thế trận an ninh nhân dân ngày càng vững chắc.

- Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với xây dựng, củng cố vững chắc thế trận khu vực phòng thủ, trên cơ sở cập nhật, tích hợp với phương pháp, nội dung, mức độ và phạm vi phù hợp đối với các khu quân sự và địa hình ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng trên địa bàn các tỉnh, thành phố trong vùng đã được xác định tại các quy hoạch cấp quốc gia do Bộ Quốc phòng lập; các hợp phần về quân sự, quốc phòng được xác định trong Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quyết định số 2256/QĐ-BQP ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt Bản đồ các khu quân sự và địa hình ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thuộc vùng đồng bằng sông Hồng.

- Bảo đảm an ninh cho các hoạt động kinh tế - xã hội trên địa bàn vùng, Thủ đô Hà Nội và các địa phương trong vùng. Bảo vệ tuyệt đối an toàn các mục

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

tiêu, công trình trọng điểm về chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội; hoạt động của lãnh đạo Đảng, nhà nước; khách quốc tế và các sự kiện quan trọng diễn ra tại các địa phương trong vùng, đặc biệt tại khu vực Thủ đô Hà Nội; bảo vệ tuyệt đối an toàn tính mạng và tài sản của Nhân dân. Gắn phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm an ninh trật tự; huy động sự tham gia của các cấp, các ngành và toàn thể Nhân dân trong bảo đảm an ninh trật tự.

- Ưu tiên bố trí trụ sở doanh trại, công trình phục vụ công tác phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ tại trung tâm các huyện, thị xã, thành phố, các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp các địa phương trong vùng.

X. DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC DỰ ÁN QUAN TRỌNG CỦA VÙNG

Danh mục dự kiến các dự án quan trọng của vùng đồng bằng sông Hồng tại Phụ lục I đính kèm Quyết định này.

XI. GIẢI PHÁP, NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Về cơ chế, chính sách

a) Cơ chế, chính sách thúc đẩy liên kết vùng

- Hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách phát triển vùng và liên kết vùng đủ mạnh, bảo đảm hiệu quả điều phối một số lĩnh vực như: Lập và triển khai thực hiện quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh; phát triển hạ tầng kết nối vùng, bao gồm cả kết nối song phương giữa các tỉnh, thành phố, ưu tiên gắn với các hành lang quan trọng của vùng; xử lý các vấn đề môi trường, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm đất và bảo đảm an ninh nguồn nước liên tỉnh; xúc tiến đầu tư và phối hợp hạ tầng, chính sách theo vùng để phát triển các cụm liên kết ngành.

- Tăng cường kết nối, phối hợp giữa các tỉnh trong phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, trong đó tập trung ưu tiên hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông; kết nối đào tạo, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao và lao động có kỹ năng.

- Ban hành chính sách khuyến khích hợp tác, liên kết tự nguyện; tăng cường tham gia của các hiệp hội ngành hàng và hiệp hội doanh nghiệp; hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các chương trình xúc tiến thương mại nội địa và xúc tiến xuất khẩu, thực hiện kết nối sản xuất, tiêu thụ sản phẩm thế mạnh của các tỉnh, thành trong vùng.

- Hoàn thiện các chính sách, thúc đẩy phát triển hạ tầng băng rộng, xây dựng các trung tâm lưu trữ dữ liệu, trạm trung chuyển Internet, trạm cập bờ kết nối quốc tế; bảo đảm khả năng triển khai hạ tầng băng rộng đồng bộ với hạ tầng ngành khác theo nguyên tắc tăng cường chia sẻ, dùng chung.

b) Xây dựng và thực hiện một số cơ chế, chính sách đặc thù

- Rà soát, sớm điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách hiện hành để đáp ứng tốt hơn các điều kiện đặc thù cho vùng phát triển đột phá. Nghiên cứu, xây dựng thể chế điều phối vùng đủ mạnh để bảo đảm hiệu lực, hiệu quả điều

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

phối, liên kết vùng. Thực hiện thí điểm một số mô hình, cơ chế, chính sách mới vượt trội, cạnh tranh quốc tế cao nhằm phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của vùng và tam giác động lực tăng trưởng Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh.

- Nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế, chính sách về tài chính, ngân sách, đầu tư nhằm khuyến khích các địa phương tạo nguồn thu; xây dựng tỷ lệ điều tiết ngân sách phù hợp cho các tỉnh, thành phố tạo động lực phát triển mới cho toàn vùng; cho phép các địa phương được sử dụng ngân sách địa phương chủ động tham gia các hoạt động liên kết và đầu tư cho các dự án vùng, liên vùng; ngân sách cấp này được thực hiện nhiệm vụ chi của ngân sách cấp khác đối với các dự án vùng, liên vùng vì lợi ích chung của địa phương, vùng và cả nước.

- Xây dựng cơ chế, chính sách đột phá, vượt trội để thúc đẩy vùng đi đầu trong phát triển nhân lực, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, kinh tế số, xã hội số, phát triển một số ngành sản xuất công nghiệp và dịch vụ hiện đại.

2. Về huy động vốn đầu tư

a) Đối với vốn của khu vực nhà nước

- Nghiên cứu hình thành định chế tài chính, cơ chế chính sách để chủ động cân đối nguồn lực thực hiện các dự án liên tỉnh trong vùng. Không bố trí vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước vào các lĩnh vực, dự án mà các thành phần kinh tế khác có thể tham gia.

- Cho phép các địa phương được sử dụng ngân sách địa phương đầu tư cho các dự án của địa phương, liên tỉnh; tăng cường phân cấp, phân quyền trong các lĩnh vực đầu tư, tài chính gắn với kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực; các địa phương trong vùng cùng liên kết chặt chẽ, phối hợp hiệu quả với các bộ, ngành trung ương từ khâu xây dựng quy hoạch, kế hoạch bảo đảm các dự án quốc gia, cấp vùng và liên tỉnh trên địa bàn được thể hiện đầy đủ trong quy hoạch, kế hoạch đầu tư của các bộ, ngành và được bố trí nguồn vốn đầy đủ, kịp thời.

b) Đối với nguồn vốn từ khu vực ngoài nhà nước

Xây dựng cơ chế chính sách đột phá để thu hút các nhà đầu tư chiến lược có khả năng dẫn dắt, hình thành hệ sinh thái các ngành kinh tế có lợi thế, đặc biệt là trong lĩnh vực mới hoặc dự báo sẽ xuất hiện (mới nổi). Ban hành quy chế phối hợp giữa các địa phương, cùng đồng hành, phối hợp giải quyết các vướng mắc khó khăn kịp thời của doanh nghiệp liên quan đến hoạt động đầu tư, sản xuất và kinh doanh liên tỉnh, cấp vùng; tìm kiếm và thu hút các nhà đầu tư tiềm năng, nhất là các tập đoàn, doanh nghiệp lớn có vị thế ở khu vực và quốc tế.

c) Đối với nguồn vốn từ khu vực FDI

- Thống nhất phương châm lấy hiệu quả, giá trị gia tăng cao và công nghệ

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

sử dụng làm thước đo chủ yếu, quan trọng nhất, đi cùng với bảo vệ môi trường, phát triển bền vững trong đẩy mạnh thu hút FDI. Ưu tiên chọn lọc thu hút những dự án có công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao có phương thức quản trị hiện đại, kết nối chuỗi cung ứng toàn cầu, có tác động lan tỏa... Thúc đẩy các hoạt động ngoại giao kinh tế, ngoại giao văn hóa, thể thao để tăng cường liên kết với các nước, các tổ chức quốc tế, các doanh nghiệp trong thu hút đầu tư và quảng bá hình ảnh của vùng trong khu vực và quốc tế.

- Các địa phương trong vùng phối hợp nghiên cứu ban hành các chính sách về đầu tư nước ngoài phù hợp với các cam kết quốc tế và phù hợp với định hướng phát triển của vùng, nhất là trong những ngành mới, lĩnh vực trọng tâm như xây dựng trung tâm tài chính, khu thương mại tự do.

3. Về phát triển nguồn nhân lực

- Tiếp tục đẩy mạnh việc sắp xếp bộ máy, tinh giản biên chế, thực hiện quản lý, sử dụng, theo dõi, đánh giá, khen thưởng theo đề án vị trí việc làm và hợp đồng lao động, quy định rõ trách nhiệm của từng tập thể, cá nhân.

- Xây dựng chính quyền kiến tạo, quan tâm đến việc đào tạo bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức chính quyền địa phương các cấp chuyên nghiệp, giỏi về chuyên môn, ngoại ngữ, có đạo đức công vụ, trách nhiệm đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị và người dân. Nghiên cứu, ban hành các cơ chế, chính sách nhằm hỗ trợ cho người dân tham gia các khóa, chương trình đào tạo (ngắn hạn, dài hạn) tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; khuyến khích người dân chủ động tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, tay nghề, ngoại ngữ thích ứng với thị trường lao động trong bối cảnh Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Ban hành cơ chế, chính sách nhằm thu hút đãi ngộ, trọng dụng nhân tài; cụ thể hóa, thực hiện tốt quy định về khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá vì lợi ích chung.

- Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi để các cơ sở đào tạo hợp tác với doanh nghiệp, khuyến khích doanh nghiệp tham gia thiết kế chương trình, nội dung đào tạo và trực tiếp đào tạo, sử dụng nhân lực. Thực hiện đào tạo theo nhu cầu xã hội (nhu cầu doanh nghiệp và người sử dụng lao động).

4. Về môi trường và phát triển bền vững

- Nghiên cứu, sửa đổi và xây dựng mới các luật trong lĩnh vực quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu như: Luật Tài nguyên nước, Luật Địa chất và khoáng sản… Xây dựng và ban hành các văn bản hướng dẫn triển khai các luật trong các lĩnh vực này. Hoàn thiện hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc gia theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, phù hợp với mục tiêu đạt mức phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050.

- Chủ động kiểm soát các cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao. Giải quyết các vấn đề môi trường trọng điểm, cấp bách; khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường. Thiết lập mạng lưới các cơ sở xử lý chất thải rắn tập trung

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

theo hướng liên vùng, liên tỉnh với công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường.

- Thúc đẩy phát triển mạnh ngành công nghiệp tái chế, hình thành các khu công nghiệp tái chế; từng bước hạn chế các cơ sở tái chế thủ công, quy mô nhỏ, gây ô nhiễm môi trường ở các làng nghề. Tổ chức thực hiện hiệu lực, hiệu quả các quy định về trách nhiệm của nhà sản xuất, nhập khẩu trong thu hồi, tái chế sản phẩm, bao bì thải bỏ (EPR).

- Tập trung xây dựng cơ chế phối hợp giữa các cơ quan chuyên môn địa phương. Tăng cường vai trò điều phối, giám sát các hoạt bảo vệ môi trường và khai thác bền vững tài nguyên nước trên các lưu vực sông; đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động bảo vệ môi trường lưu vực của các Ủy ban bảo vệ môi trường lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy, lưu vực sông Cầu.

- Đẩy mạnh áp dụng các công nghệ tiên tiến để theo dõi, giám sát chặt chẽ nguồn nước, chất lượng nước lưu vực sông liên tỉnh; phát hiện những vấn đề bất thường về lưu lượng, mực nước, chất lượng của nguồn nước sông Hồng - sông Thái Bình; xây dựng các giải pháp điều hòa, phân bổ nguồn nước và nâng cao tính chủ động khi xảy ra các trường hợp lũ lụt, hạn hán, thiếu nước, ô nhiễm nguồn nước.

5. Về khoa học, công nghệ

- Đổi mới cơ chế hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực quản lý nhà nước về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo cho các địa phương trong vùng. Hoàn thiện cơ chế, chính sách về khoa học công nghệ theo hướng phù hợp với những yêu cầu mới đặt ra trong phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của vùng gắn kết, giải quyết các vấn đề phát triển của cả nước và đáp ứng nhu cầu thế giới. Gắn các cụm liên kết đổi mới sáng tạo với các khu công nghệ cao, trung tâm tài chính, quỹ đầu tư mạo hiểm, trường đại học, viện nghiên cứu. Hoàn thiện hệ thống tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và tăng cường đầu tư về nhân lực, tài chính, cơ sở hạ tầng.

- Đầu tư xây dựng đội ngũ nhân lực khoa học và công nghệ trình độ cao. Nghiên cứu cơ chế khuyến khích, hỗ trợ các trường đại học trong nước liên kết với các trường đại học nước ngoài để đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ trên địa bàn vùng.

- Tăng cường phát triển mạnh mẽ các khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung trên địa bàn vùng. Tăng cường liên kết, phối hợp giữa khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với khu công nghệ thông tin tập trung và với các vườn ươm, khu làm việc chung.

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ, mua bán, chuyển giao các sản phẩm khoa học, công nghệ, triển

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

khai các mô hình, giải pháp đổi mới sáng tạo, bảo hộ và phát triển tài sản trí tuệ, bảo đảm tiêu chuẩn, chất lượng hàng hóa. Chủ động mở rộng hợp tác quốc tế hướng vào hỗ trợ một số lĩnh vực khoa học, công nghệ nhằm đạt trình độ quốc tế.

6. Về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn

- Hoàn thiện thể chế pháp luật về phát triển đô thị, cơ chế, chính sách để thị trường bất động sản vận hành thông suốt, ổn định, minh bạch, có cơ cấu hợp lý, phù hợp quy luật thị trường, thực tiễn của Việt Nam và hội nhập toàn diện với quốc tế. Hoàn thiện hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn về quy hoạch đô thị theo hướng cập nhật xu thế phát triển và thách thức trong tình hình mới về tăng trưởng xanh, biến đổi khí hậu, phát triển đô thị thông minh, đô thị nén, đô thị bền vững.

- Nghiên cứu, xây dựng mô hình chính quyền đô thị bảo đảm hiệu quả, hiệu lực công tác quản lý phát triển đô thị bền vững theo hướng đổi mới mạnh mẽ, phân công, phân quyền và nâng cao hiệu quả phối hợp trong lãnh đạo, chỉ đạo điều hành. Củng cố, hoàn thiện hệ thống tổ chức bộ máy quản lý nhà nước trong phát triển đô thị.

- Chú trọng công tác tái thiết đô thị, phát triển chức năng mới, phục hưng kinh tế, tăng tính hấp dẫn văn minh đô thị. Quản lý sử dụng đất chặt chẽ đối với không gian ngầm, không gian mặt đất và không gian trên cao; di dời một số chức năng không phù hợp nằm trong khu trung tâm các thành phố Hà Nội, Hải Phòng, Hạ Long đến khu vực ven đô thị hoặc đô thị vệ tinh.

- Bố trí quỹ đất dự trữ phát triển các trung tâm đầu mối hạ tầng quốc gia, các tuyến hạ tầng kết nối đô thị lớn với vùng xung quanh. Tăng cường đầu tư xây dựng nhà ở xã hội và công trình an sinh xã hội dành cho cư dân nhập cư. Quy hoạch phát triển làng xóm ven đô trở thành khu dân cư đô thị và hoà nhập với lối sống đô thị.

- Đổi mới hệ thống quy hoạch và kiểm soát phát triển tích hợp trên nền tảng số, triển khai thực hiện dự án xây dựng hệ thống thông tin địa lý (GIS) phục vụ quản lý phát triển đô thị. Xây dựng cơ sở dữ liệu số trong quy hoạch và quản lý không gian. Rà soát và điều chỉnh các quy trình nhằm nâng cao tính tích hợp trong giải quyết các vấn đề liên ngành, liên cấp và liên khu vực.

- Điều chỉnh các đồ án quy hoạch chung đã được phê duyệt ở thời kỳ trước nhưng chưa phù hợp nhằm đáp ứng được yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới. Tăng cường hơn nữa công tác quản lý nhà nước về đất đai, bảo đảm hiệu lực, hiệu quả; thực hiện chặt chẽ việc giao đất, cho thuê đất chủ yếu thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất.

- Đổi mới mô hình phát triển đô thị phù hợp với đặc thù của vùng về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, văn hóa, lịch sử; quản lý đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, ủy quyền giữa trung ương và địa phương và giữa các cấp tại địa phương gắn với việc phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn và tự chịu trách nhiệm nhằm tạo sự chủ động quyết định

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

chính sách phát triển đô thị phù hợp với điều kiện, phát huy lợi thế của từng đô thị.

- Chuyển dịch tăng trưởng đô thị theo chiều sâu, nâng cao chất lượng đô thị hóa thông qua việc sử dụng hiệu quả nguồn lực nội tại đô thị thay vì các yếu tố bên ngoài. Phát triển kinh tế đô thị dựa trên việc chuyển đổi cơ cấu ngành nghề, sử dụng hiệu quả các nguồn lực đặc trưng có lợi thế, bản sắc riêng của từng đô thị. Tăng cường liên kết kinh tế đô thị và kinh tế nông thôn, khuyến khích hình thành các quan hệ đối tác liên xã - phường trong một khu chức năng có liên kết chuỗi giá trị, thúc đẩy các chương trình trao đổi nông thôn - thành thị.

XII. HỆ THỐNG SƠ ĐỒ, BẢN ĐỒ QUY HOẠCH

Danh mục sơ đồ, bản đồ Quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Phụ lục II của Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 là cơ sở để lập quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trên địa bàn vùng đồng bằng sông Hồng theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng điều phối vùng đồng bằng sông Hồng có trách nhiệm

a) Giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình, dự án và các hoạt động liên kết vùng bảo đảm tổ chức thực hiện có hiệu quả Quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

b) Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách phát triển bền vững vùng; cơ chế phối hợp, chính sách liên kết, điều phối giữa các địa phương trong vùng đồng bằng sông Hồng nhằm thúc đẩy liên kết vùng, tiểu vùng; thực hiện nhiệm vụ điều phối hoạt động liên kết ở quy mô cấp vùng, tiểu vùng và từ hai địa phương trở lên theo nhiệm vụ Thủ tướng Chính phủ giao đúng quy định của pháp luật;

c) Tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư, huy động nguồn lực, thu hút đầu tư; điều phối việc sử dụng nguồn vốn đầu tư công để định hướng, dẫn dắt các nguồn lực đầu tư ngoài nhà nước, thúc đẩy đầu tư theo phương thức hợp tác công tư (PPP) trong phát triển hạ tầng chiến lược, cấp bách, quan trọng của vùng phù hợp với quy hoạch được phê duyệt.

3. Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

a) Chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu, tài liệu, hệ thống sơ đồ, bản đồ và cơ sở dữ liệu trong hồ sơ Quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 bảo đảm đúng quy định của pháp luật và các quy định có liên quan; lưu trữ, lưu giữ hồ sơ quy hoạch vùng được duyệt theo đúng quy định;

b) Tổ chức công bố, công khai Quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định của pháp luật về quy hoạch;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

c) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương trong vùng nghiên cứu, xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch, chính sách, giải pháp và bố trí nguồn lực thực hiện Quy hoạch vùng;

d) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương trong vùng theo dõi, đôn đốc, giám sát, đánh giá việc thực hiện các dự án quan trọng và mục tiêu của Quy hoạch vùng;

đ) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương tổ chức các hoạt động xúc tiến, kêu gọi đầu tư đối với các dự án quan trọng của vùng; tuyên truyền, quảng bá nhằm thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước, các thành phần kinh tế tham gia thực hiện quy hoạch.

4. Trách nhiệm của các bộ, ngành liên quan

a) Tổ chức thực hiện quy hoạch thuộc lĩnh vực quản lý theo thẩm quyền;

b) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành chính sách, giải pháp và bố trí nguồn lực thực hiện Quy hoạch vùng;

c) Chủ trì phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương có liên quan trong vùng đánh giá việc thực hiện quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trên địa bàn vùng theo chức năng quản lý;

d) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc theo dõi, giám sát, đánh giá việc thực hiện các dự án quan trọng của vùng thuộc lĩnh vực quản lý nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng; tham gia ý kiến đối với Kế hoạch thực hiện Quy hoạch vùng.

5. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong vùng:

a) Rà soát nội dung quy hoạch tỉnh bảo đảm thống nhất với quy hoạch vùng được phê duyệt; nếu có mâu thuẫn với quy hoạch cao hơn thì tiến hành điều chỉnh, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt điều chỉnh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội;

b) Tham gia ý kiến về kế hoạch thực hiện Quy hoạch vùng trước khi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

c) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ, ngành tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư nhằm tuyên truyền, quảng bá, thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước và các thành phần kinh tế tham gia thực hiện Quy hoạch vùng;

d) Tổ chức giám sát, kiểm tra việc thực hiện các dự án đầu tư phát triển trên địa bàn theo chức năng, nhiệm vụ được phân công, báo cáo Thủ tướng Chính phủ;

đ) Phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ trong quá trình đánh giá việc thực hiện quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trên địa bàn vùng.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

6. Sau khi các quy hoạch cấp quốc gia được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm rà soát nội dung Quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, nếu nội dung mâu thuẫn so với quy hoạch cao hơn thì tiến hành điều chỉnh, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong vùng đồng bằng sông Hồng; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Uỷ ban Thường vụ Quốc hội;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục;
- Lưu: VT, CN (2). Tuan

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Phụ lục I

DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC DỰ ÁN QUAN TRỌNG CỦA VÙNG

(Kèm theo Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Lĩnh vực/dự án	Phân kỳ đầu tư	
		2021 - 2030	Sau 2030
I	**HẠ TẦNG GIAO THÔNG**		
1	Xây dựng và nâng cấp các tuyến đường bộ cao tốc, tuyến quốc lộ kết nối quốc tế, liên vùng và các kết nối liên tỉnh để bảo đảm nhu cầu vận tải và tăng cường kết nối; tuyến đường bộ ven biển theo quy hoạch cấp quốc gia được phê duyệt. Ưu tiên đầu tư một số tuyến giao thông kết nối vùng như sau:		
1.1	Cao tốc Bắc - Nam phía Đông (CT.01): Đoạn Hà Nội - Ninh Bình	x	
1.2	Hà Nội - Hòa Bình - Sơn La - Điện Biên (CT.03): Đoạn Hà Nội - Hòa Bình	x	
1.3	Nội Bài - Bắc Ninh - Hạ Long (CT.09)	x	
1.4	Ninh Bình - Hải Phòng (CT.08)	x	
1.5	Các tuyến đường vành đai đô thị Hà Nội: Vành đai 4 (CT 38); vành đai 5 (CT.39)	x	
2	Xây dựng và nâng cấp các tuyến đường sắt quốc gia, đường sắt tốc độ cao trục Bắc - Nam, các tuyến kết nối với cảng biển theo quy hoạch cấp quốc gia được phê duyệt. Ưu tiên một số tuyến như sau:	x	
2.1	Đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam: Đoạn Hà Nội - Ninh Bình	x	x
2.2	Đường sắt Yên Viên - Phả Lại - Hạ Long - Cái Lân	x	
2.3	Đường sắt khổ tiêu chuẩn tốc độ cao Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng và Lạng Sơn - Hà Nội kết nối với Trung Quốc	x	x
2.4	Đường sắt xây dựng mới Nam Định - Thái Bình - Hải Phòng - Quảng Ninh (bao gồm cả đoạn Nam Hải Phòng - Hạ Long dài khoảng 37 km)		x
2.5	Xây dựng mới đoạn tuyến đường sắt vành đai phía Đông thành phố Hà Nội: Đoạn Ngọc Hồi - Lạc Đạo - Bắc Hồng	x	x

TT	Lĩnh vực/dự án	Phân kỳ đầu tư	
		2021 - 2030	Sau 2030
3	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường thủy nội địa theo quy hoạch quốc gia được phê duyệt	x	x
4	Nâng cấp, mở rộng các cảng hàng không hiện hữu (Nội Bài, Vân Đồn, Cát Bi). Nghiên cứu chuẩn bị các điều kiện để sớm hình thành cảng hàng không quốc tế mới tại Tiên Lãng - Hải Phòng dự bị cho Cảng hàng không quốc tế Nội Bài; nghiên cứu cảng hàng không thứ 2 hỗ trợ cảng hàng không quốc tế Nội Bài tại khu vực phía Đông Nam hoặc Nam Thủ đô Hà Nội	x	x
5	Nâng cấp, cải tạo cảng biển, luồng hàng hải, khu bến, kết cấu hạ tầng cảng biển khác theo quy hoạch cấp quốc gia được phê duyệt. Ưu tiên đầu tư hoàn thiện các bến thuộc Khu bến cảng quốc tế Lạch Huyện, các bến khởi động thuộc Khu bến Nam Đồ Sơn (Hải Phòng)	x	x
II	**HẠ TẦNG CẤP ĐIỆN, CUNG CẤP NĂNG LƯỢNG**		
1	Xây dựng mới và nâng cấp các nhà máy điện, mạng lưới truyền tải điện (550 kV, 220 kV), hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt theo quy hoạch cấp quốc gia được phê duyệt	x	x
2	Xây dựng mới và hình thành các trung tâm, trung tâm tổng hợp cấp quốc tế, cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tiểu vùng về năng lượng, năng lượng tái tạo, năng lượng dầu khí, theo nhu cầu và theo quy hoạch cấp quốc gia được phê duyệt	x	x
III	**HẠ TẦNG THỦY LỢI**		
1	Xây dựng mới và nâng cấp hồ đập (Hồ Tài Chi, Hồ Cài - Thác Nhồng, đập Xuân Quan, đập Long Tửu) theo quy hoạch cấp quốc gia được phê duyệt	x	
2	Nâng cấp hệ thống thủy lợi (Bắc Hưng Hải, Bắc Nam Hà, Bắc Đuống, Liễn Sơn - Bạch Hạc, Ấp Bắc - Nam Hồng, sông Nhuệ, Phù Sa, Đa Độ, An Kim Hải) theo quy hoạch cấp quốc gia được phê duyệt	x	x
3	Cải tạo, nâng cấp hệ thống công trình chuyển nước vào sông Đáy phục vụ đa mục tiêu		x
IV	**HẠ TẦNG KHU KINH TẾ, KHU CÔNG NGHIỆP**		
1	Dự án mở rộng và phát triển hạ tầng các khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu	x	x
2	Dự án đầu tư phát triển hạ tầng các khu kinh tế mới bổ sung vào quy hoạch: khu kinh tế ven biển Ninh Cơ, khu kinh tế ven biển phía Nam Hải Phòng, khu kinh tế chuyên biệt (Hải Dương)	x	x

TT	Lĩnh vực/dự án	Phân kỳ đầu tư	
		2021 - 2030	Sau 2030
3	Các dự án phát triển hạ tầng các khu công nghiệp	x	x
V	**HẠ TẦNG LOGISTICS, CẢNG CẠN**		
1	Dự án xây dựng trung tâm logistics quốc tế tại Hải Phòng	x	
2	Trung tâm logistics hạng I Bắc Hà Nội	x	
3	Trung tâm logistics hạng I Nam Hà Nội	x	
4	Trung tâm logistics chuyên dụng hàng không tại cảng hàng không quốc tế Nội Bài	x	
5	Trung tâm logistics hạng II tại tiểu vùng Nam đồng bằng sông Hồng	x	
6	Trung tâm logistics hạng II tại tiểu vùng Bắc đồng bằng sông Hồng	x	
7	Cảng cạn Phù Đổng, Gia Lâm, Hà Nội	x	
8	Cảng cạn Văn Lâm, Hưng Yên	x	
9	Cảng cạn Tân Lập, Yên Mỹ, Hưng Yên	x	
VI	**HẠ TẦNG THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**		
1	Nhóm dự án Phát triển kinh tế số vùng đồng bằng sông Hồng	x	
2	Nhóm dự án phát triển công nghiệp công nghệ thông tin vùng	x	
3	Nhóm dự án chuyển đổi số vùng	x	
4	Nhóm dự án phát triển hạ tầng số, hạ tầng dữ liệu, trung tâm dữ liệu vùng, quốc gia	x	x
5	Nhóm các dự án xây dựng trung tâm bưu chính khu vực, bưu chính vùng	x	
VII	**HẠ TẦNG PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY**		
1	Trung tâm chỉ huy lực lượng Phòng cháy chữa cháy Bộ Công an	x	
2	Trung tâm huấn luyện và ứng phó khẩn cấp về PCCC và CNCH khu vực phía Bắc 2	x	
3	Viện nghiên cứu khoa học công nghệ PCCC và CNCH	x	
4	Trung tâm bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện PCCC và CNCH	x	
5	Kho phương tiện PCCC và CNCH	x	
6	Trung tâm giáo dục cộng đồng về PCCC và CNCH tại Hà Nội	x	
7	Các dự án trụ sở, doanh trại đơn vị cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại các tỉnh, thành phố trong vùng theo quy hoạch cấp quốc gia và quy hoạch	x	

TT	Lĩnh vực/dự án	Phân kỳ đầu tư	
		2021 - 2030	Sau 2030
	cấp tỉnh được phê duyệt		
VIII	**GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**		
VIII.1	**Giáo dục đại học, cao đẳng**		
1	Xây dựng các khu đô thị đại học tập trung, gắn với việc thực hiện di dời một số các cơ sở giáo dục đại học ra khỏi nội thành Hà Nội	x	x
2	Đầu tư xây dựng một số trường đại học chất lượng cao, đẳng cấp quốc tế, từng bước hình thành các trường đại học đạt đẳng cấp quốc tế tại Hà Nội	x	
3	Quy hoạch và đầu tư xây dựng các khu đại học tại các tỉnh Hưng Yên, Hà Nam, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh	x	x
VIII.2	**Giáo dục nghề nghiệp**		
1	Đầu tư trường thực hiện chức năng trung tâm quốc gia đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao	x	x
2	Đầu tư trường thực hiện chức năng trung tâm vùng đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao	x	x
3	Đầu tư trường tiếp cận trình độ các nước ASEAN-4 và G20	x	x
4	Đầu tư trường chất lượng cao	x	x
5	Đầu tư trường có các ngành, nghề trọng điểm cấp độ quốc tế, khu vực, quốc gia	x	
6	Đầu tư trường đào tạo cho đối tượng, ngành nghề đặc thù	x	
7	Đầu tư phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý	x	
IX	**KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO**		
1	Dự án Trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia tại Hòa Lạc	x	
2	Xây dựng Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam trở thành nền tảng, trụ cột của nền khoa học và công nghệ Việt Nam	x	x
3	Xây dựng Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam trở thành nền tảng, trụ cột của nền khoa học xã hội và nhân văn Việt Nam	x	x
4	Xây dựng Đại học Quốc gia Hà Nội trở thành hạt nhân, nòng cốt và đầu tàu về nghiên cứu khoa học và đổi mới	x	

TT	Lĩnh vực/dự án	Phân kỳ đầu tư	
		2021 - 2030	Sau 2030
	sáng tạo trong hệ thống giáo dục Việt Nam		
5	Đầu tư hoàn thiện các hệ thống phòng thí nghiệm trọng điểm	x	
X	**VĂN HÓA, THỂ THAO**		
1	Cải tạo nâng cấp thư viện quốc gia Việt Nam giai đoạn 1	x	
2	Các dự án trùng tu, bảo tồn các di tích lịch sử cấp quốc gia, cấp quốc gia đặc biệt	x	
3	Nâng cấp, cải tạo, xây dựng mới, đầu tư về cơ sở hạ tầng cho các thiết chế văn hóa như bảo tàng, thư viện,…	x	
4	Đầu tư hiện đại các trung tâm huấn luyện và thi đấu thể thao phục vụ các sự kiện thể thao quốc gia, quốc tế và châu lục	x	
5	Mở rộng trường Đại học Thể dục thể thao I - Trung tâm huấn luyện vận động viên trẻ giai đoạn 2	x	
XI	**MÔI TRƯỜNG**		
1	Xây dựng cơ sở hạ tầng cho các khu xử lý chất thải tập trung cấp vùng, liên tỉnh	x	
2	Xử lý ô nhiễm môi trường nước tại một số sông/hệ thống thủy lợi: Sông Tô Lịch, sông Nhuệ, sông Kim Ngưu (thành phố Hà Nội), sông Ngũ Huyện Khê (tỉnh Bắc Ninh), hệ thống thủy lợi Bắc Hưng Hải	x	
3	Tăng cường năng lực phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt	x	

Phụ lục II

DANH MỤC SƠ ĐỒ QUY HOẠCH VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên sơ đồ, bản đồ	Tỷ lệ
1	Sơ đồ phương hướng phát triển hệ thống đô thị, nông thôn	1:250.000
2	Sơ đồ phương hướng tổ chức không gian và phân vùng chức năng	1:250.000
3	Sơ đồ phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng xã hội*	1:250.000
4	Sơ đồ phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật*	1:250.000
5	Sơ đồ phương hướng sử dụng tài nguyên*	1:250.000
6	Sơ đồ phương hướng bảo vệ môi trường*	1:250.000
7	Sơ đồ phương hướng phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu*	1:250.000

(*) ***Ghi chú:*** Tùy vào điều kiện khác biệt của vùng có thể lập các sơ đồ riêng cho các đối tượng của ngành hoặc loại tài nguyên để bảo đảm thể hiện được nội dung quy hoạch trên sơ đồ.